

Lời người xuất bản

Sự sống của cá-nhân ở vào hồi nào cũng không phải là sự không thành ra vấn đề ; huống chi ở vào hồi này, hồi kinh-lẽ khủng hoảng này, có khi nó lại là vấn-đề trọng-đại cũng nên.

Cụ Phan-Sào-Nam về nước hầu mười năm nay, vấn-đề sự sống của cụ từng được ít nhiều anh em đề ý đến; nhưng đến ngày nay, coi ý cụ cũng không muốn làm phiền anh em nữa.

Bởi vậy cụ giao cho chúng tôi xuất bản tập thơ văn này của cụ sau khi bán được bao nhiêu trừ vốn in ra rồi chia số lời hầu cụ để giúp vào sự sống.

Nhận là một cái nhử, vụ đáng làm nên chúng tôi mới xuất công xuất của cho cái văn tập này được ra đời sớm ngày nào hay ngày nấy ; chờ bỗng-y chúng tôi không coi nó là một việc buồn bán có thể phát tài cho nhà sách Thanh-Thanh chúng tôi đâu.

Thơ văn của cụ Phan còn nhiều nhưng muốn cho vững sự lưu hành, khỏi bị ngăn trở gì hết, cụ chọn những bài đã đăng trên cả báo, như là báo « Tiếng Dân » mà giao cho chúng tôi xuất bản đây.

Viết mấy lời này chỉ có ý mong ban đọc biết cho chúng tôi về sự xuất bản cuốn sách như vừa rồi trên đó; còn về văn-chương của cụ Sào-Nam, giá-trị thế nào, chúng tôi đâu dám phê-bình đến, cũng không cần quảng-cáo làm chi.

THANH THANH

Ra lãnh một cái nhiệm vụ quá sức của mình
mà may được nhiều quý ông, bà hảo tâm tán
trợ, người giúp của, kẻ giúp công, cho công
việc xuất bản cuốn sách này được hoàn thiện.

Vậy xin có mấy lời trình trọng cảm ơn

HỒ-HỮU-NHÀ kính tạ.

Trần - h - Thông
Đầu sau

VĂN VĂN

THI

TẠ ƠN CHO QUẠT LÔNG

*Lâm than đau nổi tư bề,
Thấy người nóng sốt mới chia gió cùng.
Ơn này ơn nặng lạ lòng,
Lấy gì đền giả giải lòng mấy câu.*

THƠ RĂNG :

Lửa ai nung nắn khói ai un.
Ngày tháng vì ai ruột héo mòn ?
Trời hạ chói chang da sém tia,
Gió xuân thấp thoáng mắt mong chồn.
Lông hồng muôn dặm mây in bóng,
Tình bạn ngàn thu nguyệt dạng tròn.
Càng phất càng thêm chiu mát-mẻ,
Lông ghi thề với bề cùng - non.

MỪNG ĐƯỢC MƯA

Hơi nồng lửa Hạ, đỏ trót năm trời,
Bóng nép mây Thang, trắng nghìn dặm đất.
Trâu ngó trắng hôm nọ, nghênh đôi sừng thỏ nổi
cây khan ;
Rồng được nước bao giờ, cuốn năm vế khát chiều
bay bổng.
Cây khô cỗi héo, bất nhân sao ghé góm ông xanh ;
Trẻ khóc già than, vô tội luống xót xa con đò.
Há lẽ ngành rơi cười ngọt, phép Phật chầy thiêng
Mời hay tặng đồ mờ hời, cơ trời chóng chuyển.
Ngày mười hai tháng tám ;
Giờ sáu bảy chiều hôm
Tiếng sóng chen tiếng bề ào ào ;
Trận gió tiếp trận mưa rất rất.
Chời già mậm bẻ, xira vàng khè này lại xanh um.
Ruộng bút ao nghiêng, mùa nuần nhả lời nên vui-vẻ.

Vậy có thơ rằng :

Ở ai cây cuộc sấm sanh chưa !
Gió bốn phương trời thổi tiếng mưa,
Nước sợ mất đầu bờ sẵn đắp.
Giống mong tốt nửu cỏ mau bừa.
Đầy đường toi nón khua xe ngựa,
Chặt đất kho tàng ấy ruộng trù
Muôn họ ấm no nhờ một trận,
Mưa dòn sấm dậy sức còn thừa.

XUÂN CẨM

(Trường thiên liên vận)

Nghe nói ngoài hiên xuân mới về.
Non sông sao những chiều ù ề ?
Lạnh lùng gió thổi trời đêm khuya.
Vùng trắng man mác mây mù che.
Dưới đèn bối rối mối sầu chia,
Tiếng gà cạnh vách tẻ tẻ te.
Bồng chốc vùng đông sáng choé lờ.
Khoác áo ra đi dạo bốn bề,
Dạo cùng kẻ chợ lại nhà quê.
Khóc khổ than bần nọ với kia.
Luôn năm thủy hạn trời gớm ghê !
Mấy anh cuốc mướn, chủ cây thuê,
Mò bụng không com tay [chun tẻ
Cuộc đầu biển loạn lại chẳng đề,
Nước miếng khô ráo nước mắt the
Bán con cầm vợ rao mỗi mê,
Làng nam xóm bắc ai cũng chê.
Bức đồ xả-hội còn gì khoe ?
Duy hữu khát cái hai chữ đề.
Vô tình chi bấy, oanh én kia !
Hát gió ngậm trắng thoi ngân nghe.
Mặt nước sông Hương sóng rấp-re,
Bèo trôi như ống cỏ như bèo.

Đông-ba, Gia-hội ngựa liền xe,
Đụng đầu chết đỏ mau tránh nhe !...
Frời ôi ! há lẽ trời đương què,
Thấy dân cùng khổ ông ngồi ề.
Dân tôi há phải loài trâu dê ;
Cổ xanh nước bạc no ruột mê ;
Xuân ơi ! Xuân sao quá khắt khe,
Xui người xác vỡ lại mình ve.
Trước mặt thần xuân tôi quyết thề,
Thơ một vài câu rượu nữa ve.

KỶ NIỆM BẢO TIẾNG DÂN ĐẦY NĂM

Nhà ta vẫn một nhà dòng giống,
Nòi Rồng máu Tiên ứ vạn chúng.
Thông minh tai mắt họ thánh thần,
Trần khắp Đông-kinh đến Tây-cống.
Đôi vai xốc vác gánh ba kỳ,
Một triềng đứng đỉnh tròn hai thúng.
Thét to Mông-cổ kinh rơi đầu,
Oát giữ Hồ-ngô chạy mất móng,
Dài hơi cao tiếng kém ai đâu ;
Bắc Tàn, tây Xiêm vang sấm động.
Phun mưa thời sóng mấy ngàn năm.
Uy thanh lừng lẫy mái trời nam.
Trời sao cay nghiệt làm nên nổi,

Cha ông già cả, con cháu căm.
Hoặc giả, nguyên khí nội thương,
tà ngoại phạm,
Trách ai điều dưỡng thang thuốc lăm.
Ngựa đá miếu Trần thét chẳng dầy.
Gươm vàng núi Lê chôn mãi trầm.
Ngoài cửa trong nhà ma trọn trao ;
Chông non lấp bề mù tối lăm.
Hai mươi lăm triệu ngũ, ngũ, ngũ ! ! !
Mặc ai hò hát ai um sùm.
Năm kia thủy triều chốc từ đầu
Tuôn Âu cuốn Á dầy ù ù !
Trúc giường đồ gối ma ngũ chạy,
Trong mộng thốt nhốt hồn về mau.
Mấy đàn cầm ngọng đột khai khẩu,
Hét lên một tiếng thần quỷ sầu ;
Cờ trời xui giục đá hay nói.
Máu quốc khóc hè, rồng ngậm thu.
Láng diềng hò hét nửa thế kỷ.
Còn người nước ta ngũ vừa đây !
Khi đầu Nam-kỳ rồi Bắc-kỳ,
Thằng bé trong nôi thọt kêu mẹ.
Kêu mẹ chưa biết mẹ đi đâu.
Cóc kêu thầu trời cũng có lẽ.

Gà đua nhau gáy phương đông lờ.
Đập cánh rủ nhau « tẻ tẻ tẻ » !
Trung kỳ nhịp này mới có bão.
Năm ngoái « Tiếng dân » vừa được nghe.
Con hiếm lọt lòng thử tiếng khóc,
Tuy chưa to lớn gì đáng khoe.
Ơn trời, phúc con, con khỏe khóc...
Khóc dẽo khóc dai kêu mẹ về.
Có khi khóc mãi hóa nên cười ;
Reo to một tiếng vang đất trời.
Xưa nay lịch sử trong vớ ngoài
Hề cùng thời biến, biến thời thông, thông
thời dài.
Linh khi bốn nghìn năm nước cũ,
Há có lẽ đâu cảm ngóng hoài.
Ngàn Hồng đèo Vân thiên vạn cồ
Oát gió hô mây, trong có người.
Con ơi ! con cứ khóc cho nhịp
Thùng cắc cắc thùng e rầy mai.
Năm nay con đã chẵn một tuổi
Nèn hai, ba, bốn, đến mười mười.
Nếu khóc đã to cười cũng lớn,
Thỏa lòng mẹ thấy con ra đời.

THUYỀN ĐÊM TRỜI LỤT TỬ TUYỆT
(10 bài)

I

Dưới đèn bèn gối gió thu vào,
Chào bạn lân nay ở chốn nào.
Một tiếng hát chài kinh thọt dây,
Tẻ ra trời biển cách xa nhau

II

Gió đầu cuốn bề dựng non triều,
Thoạt mới nghe ra tưởng đất reo.
Đau đớn những ai say giấc quá,
Bên tai sấm sét cổ năm chiều.

III

Tuồng lụt tuồng mưa diễn khá hay,
Ếch lên dành núi cá dành cây.
Cờ trời xoay chuyển mưa rồi nắng,
Cây núi đầu, mà chưa bộn mây.

IV

Khát nước lâu ngày nước lại no,
Cua bơi cá nhảy bấy tha hồ,
Rồng thiêng đứng đỉnh trên mây bạc.
Ngó xuống nhân hoàn biển chữ to.

V

Ma lụt gù nhau nuốt núi sông,
Lại toan cướp truốt chiếc thuyền ông.
Liều gan chống thử cùng mưa gió,
Thua được chờ xem lúc cuối cùng.

VI

Bạn gió cùng trăng trải bấy nay,
Chào ông thần sóng lại phen này.
Biển non chim ngắm về tay Cồn,
Hạ Vỹ nào đâu xuất hiện ngay.

VII

Biển kêu như sấm nước như trời,
Kia chiếc thuyền ai lừng lững bơi.
Một lão ba thặng ngồi khúc khích.
Bầy ma thấy cũng vỗ tay cười.

VIII

Ôi lũ con đen lút tới cùng,
Còn ai tai mắt đỏ đầu ngong.
Thuyền ai còn đó e rồi nữa.
Đây một bè xương tới biển đông.

IX

Rồng thiêng không nước lấy gì bay,
Được lụt xem chừng có lẽ may.
Vĩ vẩy sẵn sàng chờ biển hóa,
Trong ao vừa đỏ đã trên mây.

X

Dưới cầu bến Ngự dựa cây sung,
Một chiếc thuyền con sóng tứ tung.
Giữa kiếp trầm luân ôi các bạn,
Gánh non lấp bề gắng nhau cùng.

VỖ ĐỀ

I

Cuộc đời ngẫm nghĩ biết làm răng?
Khôn dại hơn thua thấy nhỏ nhằng.
Trong giấc chim bao ma lần thánh,
Trên tường sân khấu cụ pha thẳng.
Gió cơn xoay nữa mây càng xáo;
Núi có nghiêng thì bề mới bằng.
Vạn biết trời già tay đảo để,
Chống trời người có lúc hung hăng.

II

Ai đây mình xuống giữa trần hoàn,
Hơn mấy mươi năm ngục thế gian.
Chẳng cánh lông cùng bay bốn bề,
Có gan óc há nói ba lơ?
Số đen đành chịu cam phần đại,
Nợ trắng rồi đây mới biết ngoan.
Đã chết ta đâu kia bác Tào;
Ra công ngậm cát sẽ đền oan.

III

Muốn nói nhưng mà nói với ai?
Nín cảm chẳng lẽ nín cảm hoài.
Giữa đường gặp mãi người gai mắt.
Ngoài cửa đưa vào chuyện choáng tai.
Tiếng súng Mãn châu xoay cả đất.
Chiếc tàu Hồng hải cháy luôn trời.
Dưới đèn ngẫm nghĩ gương kim cổ
Mình nói mình nghe khóc lại cười.

NGÀU TÁC

I

Đã hoàng hôn trước lại hoàng hôn,
Buồn đến nỗi rồi phải hết buồn.
Có rượu toan dâng xuân ở mãi,
Không tiền sẽ mượn nguyệt cầm luôn.
Chứa năm mòng kiến ngành nam trẻ
Sáu tháng tắm cơn gió bắc dồn
Chân chứa cạnh dâng tình lụy nặng,
Nhắc ơn thêm lủi với non sông.

II

Học được Lưu hầu chỉ bệnh nhiều,
Râu mày chi dám vác gương treo.
Ngó nghe ba chữ trời cười lên,
Trần trọc năm canh quỷ khóc liều.
Áo trắng chán chề muôn lớp bụi,
Rừng thâm thông thả một ngành Tiêu.
Thân tàn tro trên phiên anh chị,
Ngán nghĩ chiều thêm ngán nghĩ chiều.

NHỚ NHÀ

Bỏ nhà trót đã bấy nhiêu năm,
Lững cả non Hồng với nước Lam.
Thiệt có quên chăng trời mới biết!
Nếu còn về nữa đất e lằm.
Gười tình thăm viếng mây ra bắc,
Nặng ước đoàn viên nguyệt ghé rằm.
Muốn giáp mặt nhau trong giấc mộng,
Canh khuya chưa ngủ gượng lên nằm.

BỨC VỀ TRAI CHÈO ĐUA

Đố ai vẽ đúng khách chèo đua,
Đầu ngúc trời luôn chốc nhọn **kh**u.
Tay nắm cổ chèo mười ngón vững,
Chân mài mặt ván trót ngày lâu.
Thi gan với gió xuôi rồi ngược;
So cánh cùng sông cạn lại sâu.
Trước nhất tới bờ dành giải thắng,
Bây giờ mới biết sức mình to.

ĐÊM NGỒI MỘT MÌNH

I

Một ngọn đèn xanh dọn bóng chơi,
Toan đem câu chuyện nói cùng trời.
Năm canh chuông mõ nghe đầu Phật,
Bốn mặt non sông vắng ngắt người.
Tiếng ngáy xung quanh e sấm thử,
Hồn thơ lơ lửng tưởng trắng cười.
Không đi chẳng lẽ ngồi hoài mãi,
Đông lại xuân qua tối lại mai.

II

Khuya khoắt mình riêng nghĩ vẫn dài,
Ngó xuôi ngó ngược bóng theo người.
Chất năm ba chữ thêm đầy bụng,
Kể ức ngàn thu quá ngàn đời.
Ếch réo từ bề mừng được nước,
Dế ngâm bốn vách khóc không trời.
Thôi thì mình biết mình là đủ,
Cũng chẳng chịu ai chẳng lụy ai.

RẪM THÁNG TÂM KHÔNG TRĂNG

Nghe nói trung thu đã nhớ-nhăng,
Trông trăng mà lại ngậm ngùi trăng.
Gió vàng thấp thoáng đưa hương quế,
Mây bạc lan-man giấu bóng hăng.
Người đẩy thuyền lan chờ mỗi mắt,
Trời nghiêng chuỗi đầu gác ngang lưng;
Trăng ơi ! trăng há vô tình dặng !
Nở để non sông mỗi bất-bằng !

CẢM TÁC

Ngoài đường xôn xáo ngựa xe ai ?
Đóng cửa quanh năm mặc kệ đời.
Cuộn cuộn mây rừng về trước mắt,
Ầm ầm sóng bể choảng bên tai.
Anh hùng hào kiệt tuồng vôi đất,
Ma quỷ thần tiên tượng thịt xôi.
Vô sự chẳng gì hơn thánh rượu,
Luông tuồng ba chén, tỷ ty trời.

TRÁCH THẦN NẮNG

Hỡi thần Hạng Bạt gớm cho ông,
Thieu cả giang sơn ngọn lửa hồng.
Trời Hạ chói chang người đứng khóc,
Mây Thang vắng vẻ chúng ngồi trông.
Thù gì với cá, vàng khô giếng,
Oan bấy kia rau trắng toát đồng !
Đau đớn muôn dân e chết khát,
Làm mưa thế phải hóa ra rồng.

TRẦN MƯA THÌNH LÌNH

Ông mưa ông chẳng bảo cho hay,
Bồng chốc mè man bốn bề đầy.
Nhà dột ba gian thành nước ngập,
Rèm thưa mấy lớp thấy rồng vây.
Căng dù ngồi giữ vài chồng sách,
Đội nón ra xem mấy khóm cây.
Khô hạn bấy lâu khao khát vũ,
Phen này ông Vũ mới ra tay.

NGÀU ĐẮC

Cũng rất nghèo nhưng cũng rất giàu,
Vần tân khổ thiết, vần phong lưu.
Nợ cho đời mượn ngày ba chữ,
Rượu sẵn trời khuyen tháng chực bầu.
Kho chuyện chứa nhiều pho tiểu-thuyết,
Làng say mừng khỏi ngách công sư.
Sáu mươi bảy tuổi còn trai tráng,
Mò bụng quên mình bạc cả đầu.

NHỚ BẠN CŨ

Ngày ngày tháng tháng lại năm năm,
Bát ngát trời đông cạnh cối nam.
Gọi mãi toan mong hồn sẽ dậy,
Trông hoài chợt thấy bóng vừa lờ.
Luống chan trên giấy đôi dòng lệ,
Như thoảng bên tai một khúc cầm.
Ao ước có phen mừng gặp gỡ
Bỏ công rày viếng, lại mai thăm...

KHỐC BẠN

I

Cuộc đời ghê gớm cảnh phù du,
 Bụi thăm mây đen bạc cả đầu.
 Đền nợ tang bồng hơn nửa gánh,
 Trót lòng thiết thạch dễ ngàn thu.
 May chăng sau trước con hơn bố,
 Thôi kệ sang hèn cu với tù.
 Chóp đỉnh non Hồng chín mươi chín,
 Hỏi còn trên ấy có ai đâu ?...

II

Vì ai thương xót lại thương mình,
 Mấy bạn tâm giao tới từ sinh.
 Tắc quản khua ngang phường mặt trắng,
 Tăm son soi thấy chóp mây xanh.
 Nếu không trời đất vui gì sống,
 Còn có non sông vậy cũng đành !
 Thấp thoáng đêm khuya hồn mượng tưởng,
 Hiu hiu gió sóc động bên mình.

ĐI THUYỀN ĐÊM SÔNG HƯƠNG

Xe xe ngựa ngựa đó ai ai,
 Một chiếc thuyền con bắt cạy chơi.
 Sông núi chạy tòa ba lớp sóng,
 Trăng sao chỗ nặng mấy khoang trời,
 Gió nhẹ buồm thổi nam liền bắc.
 Nước đầy mình lên ngược lại xuôi.
 Trong lúc buồn tanh vui dào dề,
 Ôn tay chèo chống bấy nhiêu người.

THUYỀN ĐI ĐÊM

Từ bề tiếng ngủ suốt năm canh,
 Khắc khoải đêm thâu riêng một mình,
 Bức vẽ lưng trời sao lỗ-nhổ,
 Tấn tuồng mặt nước cá lạnh-chanh.
 Giơ mũi khen khéo mây lơ lửng,
 Vững lái tha hồ sóng bập bênh.
 Sẵn gió thuyền xuôi thuyền lại ngược,
 Hải hồ khoan hỷ tới bình minh !

PHÚ ĐẮC

(Giang hồ mãn địa nhứt ngư ông)

I

Núi đó ai đây bề đó ai ?
 Giang hồ đầy đất một cha chài.
 Mệnh mong nước bạc trời mù tit,
 Đứng đỉnh thuyền câu lão sống dai.
 Trước mắt đã lâu cơ Tạo hóa
 Trong tay chỉ sót ngón cỏ trai.
 Tầng phen ghềnh thác tầng giông tố,
 Nhăm cuộc năm châu tùm tùm cười.

II

Tơi nón kia kìa đổ biết ai,
 Giang hồ đầy đất một cha chài.
 Nhà trên mặt nước mệnh mong biển,
 Chèo giữa lòng sông ngắt ngưỡng trời.
 Đã kiếp trong đời mang gánh vạ,
 Phải gan đầu gió vững phản mười.
 Rày mai kiếm cách câu cho thú,
 Bắt lũ kinh nghề nhốt lại chơi.

THUYỀN ĐI ĐÊM CHƠI RÔNG

I

Đạo cùng hỏi hẹp lại sông khơi,
Một chiếc thuyền con một cu chài.
Vùng nước tự do ngằm dưới đáy,
Đám mây vô lại chọn bên ngoài.
Sao trời muôn dặm đèn đêm lối,
Sóng biển năm canh trống thức đời.
Gặp nhịp gió đông bờ vạn sự,
Buồm ta ta kéo cày chi ai.

II

Nước đầy thuyền đi thuyền đầy mình,
Một chèo thúng thặng lúc đêm thanh.
Khoác mây dầy mở mùng trời phủ,
Tựa nguyệt ngồi nghe trống bể rên.
Cởi gió xông pha làn sóng bạc,
Xem triều dò dãn lối chim xanh.
Tới bờ mới biết ơn chèo chống
Lên xuống từng phen thác lại ghềnh.

SAY NGÂM

Việc lớn như trời, ghép một bên,
Chẳng say thì cũng chữa gì nên.
Thân không cương tỏa trong trời đất,
Ban có tinh thần trước bút nghiên.
Chén nước dưới trăng pha giọng thánh
Nhành hoa bên gió nở màu thiền.
Sợ tu hết cả mau thành phật,
Còn phải đeo bông với chị men.

MÔNG BỐN THÁNG NĂM

Rằng ngày đoan ngộ tới bây giờ,
Chẳng thú gì hay phải có thơ.
Lấp-lổ trắng non duyên nợ mới,
Liu-hiu gió mát bạn bầu xưa.
Bụi hồng thể lộ mây trăm thức,
Mắt bạc nhân tình giấy nửa tờ.
Toan mượn ánh trời qua bến Sở,
Thăm hồn ông Khuất tỉnh hay chưa ?

UỖM TRĂNG

Trăng hỏi trăng sao tốt lẽ chiều ?
Minh đi đâu cũng thấy trăng theo.
Đèn trời một ngọn, hoa lai láng,
Người ngọc năm canh, bóng dập diu.
Muôn họ lâm than thôi chớ đợi.
Tấm gương kim cổ vẫn tăng treo,
Trăng ơi ! nếu có đường lênặng,
Cao tới bao nhiêu cũng cố treo.

GỌI TRÀ

Vì cớ sao mà khát nước hoài ?
Trà đâu ? ta sẽ nếm mây chơi.
Chẳng Tàu thì Huế tha hồ thú,
Pha tục và tiên đặc bỏ đời,
Sốt nguội tình người năm bảy chén,
Lạt nồng mùi thể một vài hơi.
Trà ơi ! còn nước là vinh hạnh,
Chạy lười khô môi thăm những ai ?

NGÀY MỒNG NĂM THÁNG NĂM

I

Còn lại nhân duyên hỡi bấy lâu,
Sáu phen đoạn ngo ố Thần-chân.
Sông dè khách mới đưa trăng biếu,
Non nhớ người xưa khiến gió hầu.
Vàng bạn say liền khuyên bóng múa,
Ngao đòi hát bưng biều trời châu.
Thiên thai nghe nói gần đây tá ?
Thăm hỏi Lưu đầu với Nguyễn đầu ?

II

Đoan đương ai khéo đặt bày ra ?
Tê tê vui vui ta với ta.
Vịt cặp trăm đoan vàng lặn trắng,
Tơ vòng năm sắc trẻ in già.
Ngày sinh Điền thị cười đau bẻ,
Hôn từ Linh quan khóc nước nhà.
Đau đớn thay trong ngày ấy cả,
Biết bao người khóc lẫn người ca !

CHẤM SÁCH

Ừ cũng siêu nhiên cũng tự nhiên !
Còn son còn mực sô rồi khuyên.
Năm ba con bé nghi là thánh,
Bảy tám pho kinh đặt bỏ thiên.
Ngồi bút đàm tung trời đất giấy.
Miệng hồ dặc rào rứt sông men.
Đùng câu gì khó thừa thầy bóng.
Thầy kẻ người chê mặc kẻ khen.

KỶ NIỆM BẢO TIẾNG-DÂN GIÁP BỐN NĂM

I

Đong vai em út giữa ba kỳ.
Bảo Tiếng dân nay bốn tuổi đầy.
Cổ miệng lẽ đầu tro đá dãi,
Đã chuồng thời cũng gỗ đêm ngày.
Đàn xanh mấy triệu lòng son nhuộm.
Cuộc lạ trăm năm ngọn sắt xoay.
Đồng điệu hỡi ai ! xin rập nhịp
Tiếng gà dưới nguyệt, nhận trên mây.

II

Đội ơn cha chú lại anh em,
Men mấm nằng niu đã bốn năm,
Đành chẳng công dân, may chẳng tội.
Bao nhiêu chữ đỏ bấy nhiêu tâm.
Tình hồn mê mộng đầu ngôi sắt
Tươi giọt tình thành dưới mũi châm.
Còn thảng, còn ngày, còn gánh nợ.
Nợ dân, nợ nước, nợ cao thâm.

III

Thiệt là con hiếm giữa Trung-kỳ
May mắn giang sơn khéo hộ trì.
Tàng lúc biết ăn liền biết nói,
Cỏ phen hay đứng lại hay đi.
Dần nhờ mạch nước nuôi hơi thổ,
Tiếng thẩu tai trời thọt giấc say.
Ao ước ngày càng lên tuổi mãi,
Bỏ công ôm ấp mẹ và thầy.

KHÓC BẠN

Nỡ nào hoài của bỏ thanh xuân,
Nghĩ đến ai mà tiếc cái thân !
Ba họ vẫn còn giòng nước Sở,
Một nguồn chưa để tránh đời Tần.
Anh đã tắc lưỡi tuôn giòng bể,
Em cũng trăm năm thoát bụi trần.
Sống sót ai đây, thêm chán ngầu,
Chán cho ông Tào khéo thần lân.

II

Chán cho ông Tào khéo thần lân,
Tai mắt thông minh ưỡn cái thân.
Thà lấp vùi khi ba bốn tuổi,
Nỡ đây đọa tới chín mười lần !
Trời say chi kẻ kia vô lý,
Đất diếc thôi dành nó bắt nhân.
Xác thịt đã dành xong một kiếp,
Có non có nước có tình thân.

ĐIỀU TRƯỞNG-CÚC-NÔNG TIÊN SANH

Em muốn thăm anh, chửa kịp vào,
Đi đâu ? anh vội trốn doi sao ?
Lánh Tần may có nguồn đào nữa !...
Tìm Tống e không mảnh đất nào !
Mây bạc non sông người vắng vẻ,
Chim vàng mưa gió bạn lao xao.
Giang nam còn phú kia ai nhớ ?
Máu quốc đầu gành mấy đoạn đau !

TỨC SỰ

Chiếc bóng bên đèn rượu nửa bầu,
Muốn tiêu sâu lại để ra sâu.
Trời cho thông thả ngồi như chết.
Đất mườn phiền hoa mới phải tu.
Oanh tiền xuân đi cười mấy nu,
Ve nghinh hạ tới hát vài câu.
Tráng ngày đi mãi đời thêm mới,
Nếu chắc nghèo còn Á lẫn Âu.

NHẠO CON VE

Chi cứ ve hoài hỡi chú ve ?
Rẻ rẻ rẻ rẻ, rẻ rẻ rẻ.
Bắt chơi chúng đã dành gậy nhọ,
Sống gởi mầy còn chắc quá hề.
Dựa bóng nương im may sẵn chỗ,
Dài hơi cao tiếng để ai nghe ?
Khôn thời gấp tính đường lui tới,
Kia ngựa trời kia đã rấp-re.

CON VE HỌA VÂN

Thiên hạ xôn xao một giọng ve,
Bên kia chèo chệt, nọ rò rẻ.
Cánh ta sẵn tiếng đua cùng gió,
Nặng mới ra đời chơi với hề.
Mùi tục chẳng mang thầy kẻ nhữ,
Thơ trời mình hát mặc ai nghe.
Muốn cho chúng biết nam nôm tới,
Thời tiết ta, ta cứ rẻ rẻ.

THAN VỚI CON GÁNH NƯỚC

Dần mun mặt trứ có ra gì,
Mà gánh đôi vai trót tháng ngày.
Khô nổi chết mấy thời chết nước,
Nặng lòng thương nước phải thương mây.
Nếu không ai khát đành ngồi nề,
Vì có người trông phải dậy đi.
Trách lão trời già sao làm việc,
Sinh người sinh nước ấy mà chi.

CON GÁNH NƯỚC TRẢ LỜI

Tớ thấy ông than tớ nực cười,
Trao cho tiếng nặng ấy là ai.
Khô khan chúng cũng khô khan cả,
Gánh vác mình sao gánh vác hoài.
Thăm hết mấy sông cùng mấy giềng,
Mây còn hai cẳng với hai vai.
Nếu ông lòng có thương tôi thật,
Chắc đã mây mưa rày hoặc mai

GÀ GÂY

Tức nổi người ta ngủ quá mê,
Cọc cò cò cọc tề tề te;
Dương mồng bên gối xui gươm múa,
Ngang cổ vừng đồng giục bóng loe
Đánh thừ non sông vang đất dầy,
Gây tan mưa gió mất trời khuya.
Ước ao ai nấy đều nghe cả,
Ai hỏi ai ơi nghe chẳng nghe.

NGƯỜI LƯỢM PHÂN

Việc này khó như ở nhân gian,
Ta gánh làm chơi chẳng khó khăn.
Bầu qui ngọc trời bồi cội lúa,
Yêu vì hương nước đường chồi lan.
Ruột người dù ngón vợ nhào sạch,
Màn đất ra tay rắc rải chan.
Thả cuộc buông cào trông bốn bề,
Ai làm lúa tốt cả nhân gian.

HOA BÀI THƠ «VỊNH BỨC ĐỊA ĐỒ RÁCH»

(ở Đông-pháp thời-bao)

Thời đề rồi ta sẽ liệu bồi,
Ta bồi cho chúng chị em coi.
Giận cho con cháu đã hư thế,
Nhờ đến ông cha dâm bỏ hoài.
Còn núi còn sông nhìn vẫn rõ,
Có hồ có giã dễ như chơi,
Vì chúng hồ giã ta chưa có,
Đành chịu ngồi trông rách tả tôi.

BÀI HOA

(Không theo vần)

Hóa rách ra lành thế mới hay.
Trời dẫu giã khắp đất hồ dầy.
Non sông sẵn vóc thêu hoa gấm,
Gan óc ghe phen trở gió mây;
Trắng ủa hồng tươi tùy thợ ý,
Bột rền kéo dẻo cốt thầy tay.
Người dả mới mới ta nên mới,
Bồi và mà chỉ khéo khuấy rây.

TRONG CON BỆNH, THUYỀN ĐAU
BẾN CÂY CỬA

Chủ khách tình cờ cũng khéo duyên,
Sân cây chung bóng bến chung thuyền.
Gió nam luôn trận trời hầu quạt,
Mây hạ từ bề đất mọc lên
Chim gáy trên ngành đờn tạo hóa,
Cá bơi dưới nước cảnh thiên nhiên.
Lững lơ một lão cười nga ngất,
Thế cũng nguồn Đào cũng cõi tiên.

XEM GƯƠNG TRONG LÚC BỆNH

I

Túm tùm xem gương quá nực cười,
Mặt mình mình ngó mặt nhà ai.
Mắt xanh dường biển thêm sâu hoáy,
Râu bạc hơn sương lại khi dài.
Côn mã đen thui trời núi sắt,
Lông mày trắng toát vạch đường vôi.
Gan vàng một khối nghe soi mãi,
Biết đã sờn chưa sẽ hỏi trời.

II

Người ở đời này bệnh quá đông,
Muôn người e chẳng một người không.
Hình cưu mặt học dân hàng lỗ,
Mắt thỏ râu chồn cụ mấy ông.
Áo mũ dễ gì che mũi khi,
Đầu cằm khó nổi vẻ nên rồng.
Đời này há lẽ đời ma bệnh,
Gương có thần chẳng ngàn kẻ trông.

NHỚ BẠN CỎ

I

Cách mặt ông gần bốn chục năm,
Chân trời góc bể biết đâu thăm ?
Ngoài trang giấy cổ mơ màng bóng,
Sau giấc chim bao vắng vẻ tăm.
Nào kẻ đèn hồng soi dặm bắc,
Tầng phen máu thấm xối sông chàm,
Loan hồi nếu quả như lời phạt,
Trăng hỡi huyền qua, chắc lời rằm.

II

Rủi mình chẳng chết với ông luôn,
Tháng tháng năm năm bận biệu hồn.
Đêm quanh tiếng gã mưa gió lắng,
Đường xa vó ngựa núi rừng còn.
Biển trời thêm ngàn luồng mây bạc,
Cây cỏ còn in vết mực son.
Linh sàng báo giờ tung đất dấy,
Cấp nhau đôi cánh vạch càn khôn.

HÚT THUỐC ĐIỀU CÀY

Việc không không việc, việc không hoài,
Vác diều cày ra nút một hơi.
Chẳng thú ngon gì nhưng cũng nghiện,
Nhiều phen say thật hóa ra chơi.
Tay châm đồ lửa toan sôi nước,
Miệng nhả tuôn mây tưởng vá trời.
Chút bọn thân dư còn hữu dụng,
Chữa lành sang chốc biết bao người.

KHỔ TRỜI MƯA LẠNH DÀI

I

Ông chưa chôn sạch lũ thương sinh,
Bão lụt vừa qua lạnh cắt mình.
Canh bếp nhà nông cười đồ khốc,
Dọc đường lão động chạy vừa rên.
Vớt rong mư nọ có bờ bèo,
Hái củi thảng kia quốc trước gánh.
Cổ bác đồ già chung một kiếp,
Nghe mưa lãng gió suốt năm canh.

II

Ông ấm mình ông chẳng quản ai,
Khổ dân con đồ lạnh hoài hoài.
Toan moi đất xuống hiềm không đất,
Muốn vói trời kêu chán cả trời.
Áo cát quần bùn mưa cổ chọc,
Tơi chằm áo vá gió treu người.
Núi vàng nếu sẵn tay mình co,
Ở diên phòng xuân khắp mọi nơi.

TIẾC CON MÈO

Mình đây gạo thóc chẳng bao nhiêu,
Nhưng cũng ngày đêm chứa ít nhiều.
Xoi vách chỉ vì ghê giặc chuột,
Giữ nhà nên phải mượn tay mèo.
Năm canh chớp chóc đôi trông mắt,
Bầy cướp hồn kinh, một tiếng ngao.
Oai cộc còn dư hơi lại đó,
Cùng sào chúng chờ vói vàng kiều.

DÂN BỊ BÃO LỤT KÊU TRỜI

I

Chí tai hai quả trời hỏi ôi,
Hà oán thù gì với lũ tôi ?
Bùn tắm da vàng đen quá mực.
Nước ngâm đất bạc trắng hơn vôi.
Muôn dân người, họa mười còn sống,
Trăm nóc nhà, may một chừa trôi.
Thế mãi ru ông ông thế mãi,
Thời xin ông sập quách cho rồi.

II

Đội trời những chắc được trời bênh,
Lâm tường rằng ông vẫn hiếu sinh.
Chôn xác con đen vùng nước bạc,
Múa tay thần bảo đám mây xanh.
Thịt người há lẽ nuôi tôm cá,
On chúa sao riêng lũ sâu kinh.
Trận đói tới đây ông sẽ thấy.
Vợ con bán rào bán luôn mình.

III

Rủi chưa chết tới cái thằng tôi,
Thấy nổi bà con giọt sứt sùi ;
Kẻ mất xương phối no cá lạp,
Người còn miệng rất khóc nhà trời.
Cùng đường phải trách cha ông độc,
Không tội càng nghi phạt thánh dui.
Ngửa mặt trông trời trời chẳng thấy,
Ước sao trời sụp những bao hồi.

IV

Phan-rang, Binh-phú nạn tây đình,
Nay lại chống thêm Nghệ, Tĩnh, Bình.
Há lẽ Diêm vương cần chiếm đất,
Phải chăng phong bá gấp trưng binh.
Đan nam bảy huyện, thấy chim nổi,
Nhà chục trăm giau, sóng bập bênh.
Ai có cánh bay may khỏi nạn,
Lẽ đâu cây đá chịu vô tình.

V

Bất nhân chi thế hỏi cha trời,
Ma lụt chưa đi bảo tới nơi.
Bùn lấm thân lươn bao kẻ quẩn,
Thịt no miệng sấu phỉ mầy xơi.
Tai bay vạ bốc năm ba trận,
Trái cũ oan xưa tám chín đời.
Trời có mắt chẳng ông ngó tí,
Công đâu khiến tớ đợi hoài hoài.

VI

Sống chẳng gì hay chết quá toi,
Đỏ đang buồn khóc cũng buồn cười.
Lòng sông nhà phủ duyên rồng rắn,
Mặt nước xương phơi phúc rợp đời;
Lũ khó lũ giàu mây cuốn ngược,
Thằng khôn thằng dại sóng lừa xuôi.
Ghè cho trời cũng già tay độc,
Cái kiếp trăm luân chả kể ai.

VII

Trời quá kiêu rư cây vạn năng,
Kể chi con nọ kể chi thằng.
Tuồng mưa gió diễn càng vui mắt,
Lũ bé già đau phải cần răng.
Nước bạc sống vui thấy chết đuối.
Đầu đen thịt cứng lũ nham dung.
Phen này nếu có phen này nữa,
Ai lấp vùi cho bề bắt bưng.

VIII

Chiều trời, trời cũng chả nhân tay
Đã chẳng ơn càng oán độc thay!
Cát cô giông lên nhà hồng nóc,
Tinh cô sóng vỗ nước chôn thầy.
Tiền lần lượt cúng, thân khôn chuộc,
Máu ngồn ngang trời hổ chữa đầy.
Trời hỏi đoàn tôi e sạch tội,
Đất bia cỏ mọc núi bia mây.

IX

Đồ diên làm bưng huây ông ơi!
Chắc họa cơ gì sẽ tới nơi.
Kinh tế thiên-đình e lũng túng,
Thuế đình địa-phủ nhẽ lời thôi.
Tha hồ mắt bạc ai trừng trợn,
Thầy kệ đầu đen chúng lấp vùi.
Ông bớt tay chẳng, ông phải nghĩ,
Tuổi trời xóc số sắp đầy rồi.

PHU XE THAN TRỜI MƯA

I

Gió dập mưa dồn dồn tứ tung,
Trời ôi sao nổi hiếp thẳng cùng.
Bùn lầy choán cả trăm đường ngã.
Tôi nòn dành riêng một núi sông.
Nuôi xác kia ai thêm nặng thì,
Gò lưng khiến tôi quá đau lòng.
Cha trời con cũng con chung cả.
Tuồng bất bình kia có chán không ?

II

Lụt mưa chi mãi hời cha trời,
Cướp nón chưa rồi dứt cả tôi.
Chỗ xác ghê cho thân thánh thịt,
Khuống chân thương nỗi ngựa trâu người.
Đường nguyên chung chạ không cao thấp.
Lẽ phải xô bồ có một hai.
Khó nhọc mặc lông sân bước tới,
Sân còn đôi cánh với đôi vai.

III

Duyên gì rước lấy chức phu xe,
Mưa gió lung tung đón bốn bề.
Mở miệng nhiều phen cười thề khóc,
Gò khu một mạch sớm rồi khuya
Xong tiền thuế rảo thêm chồn mồi.
Kèo túi cơm đi quá nặng nề.
Hai bánh xung lên nhào đất ngược,
Thấp cao cao thấp xảo đôi phe.

IV

Được chức phu xe trót chịu lừa,
Đầy thân kinh gió lại xông mưa.
Đã cho dò cánh đồng pha sắt,
Nỡ để làm than sớm tới trưa.
Đầy lớp bùn đi đường vẫn ướt.
Nhào viên đá tới sỏi còn lưa.
Vi dầu quả đất xoay lên mãi,
Xóc ngược trời lên hỏi : tồn chưa ?

V

Thêm bạc vì ai khéo đặt bầy,
Kẻ sao sang tốt kẻ bùn lầy.
Xong đồng gán sắt oan cho kiếp,
Giả áo nang cộm kéo suốt ngày.
Nón đã liều bay tôi lại lờ,
Mưa chưa chút ngọt lụt thêm đầy.
Nhân gian nghe nói nhiều ty rượu,
Phá lẽ cha trời mãi mãi say.

VI

Oai gì ẩn hiếp đưa phu xe ?
Gió thét mưa gầm nhện bốn bề.
Lão chủ buôn ngôi tham máu rẽ,
Thằng bán bán chạy tòm chân que.
Ai còn xối nước thêm dầu hoáy,
Mình mãi có lưng cặm cổ ghé.
Rút đất may gì tiên gán gáy,
Đường đi dầu mệt, khoe đường về.

VII

Xe non xe bẻ nối xe chơi,
Oan uổng vì xe đồng thịt người.
Bận nợ áo cơm đánh cái kiếp,
Thiệt công cha mẹ để thằng trai.
Còn chân chi sợ đi mòn đất,
Chấp cánh rồi đây chọc tới trời.
Mai một này xem mưa lụt tanh,
Buông tay cho thằng vô tay cười.

VIII

Thà lúc trong thai sẵn ngựa trâu !
Người mà trâu ngựa ngàn ai thù.
Chân tay kéo biết bao mang thịt,
Máu mủ tuôn đầy mấy khối sầu.
Cũng dứa trai sao bùn lấm óc,
Ngờ cha trời đã bạc dề đầu.
Lâm trời như hắt cạc minh thiệt,
Lẽ phải xô hồ trước tới sau.

MAY KHÉO là hai cái đặc

GIÁ RẺ sắc của liệm may



**Nhà
nam**

16 Amiral Courbet
SAIGON

SAU LÚC ĐAU NGÓT HÁT CHƠI

I

Chẳng phát nhưng mà chút đỉnh tu,
Bàn ăn mè mận với tương chua.
Câu thơ điên chọc trời ngo ngất,
Khúc hát say trên đất gặt gù.
Một chiếc thuyền nan nhà cấp nước,
Hai thằng con bé bạn luôn trò.
Vừa tiên vừa tục vừa thần thánh,
Thầy kệ ai hơn với kẻ thua.

II

Ma bệnh mây ơi mới biết mây,
Chẳng tay lâu cũng phải co tay.
Thằng hèn gan nhỏ hơn thằng mạnh,
Lúc rủi qua thời tới lúc may.
Mùi đạo nghĩa, là thang vôi thuốc,
Ban tâm linh, ấy gió và mây.
Đau rồi lại khóc luôn luôn khỏe
Có rợn mới ông ông cứ say.

III

Non nước ta hay non nước ai,
Vui chân ai cứ chạy đồng dài.
Kẻ nhà ga Huế coi vang óc,
Cạnh phố Đông ba trống diếc tai.
« Nông » « nỹ » cụ già lòn cụ bé,
« Moa » « Vu » cô cả lẫn cô bai.
Mình vô sự quả đành vô sự,
Ba chén ghêu ngao bạn với trời.

IV

Cối xay túc bụng với gà què,
Ăn quần chi mà quần, quần ghê !
Ngày hãy đua chơi « cò cò cộc »,
Đêm càng vắn ngất « lế tè te ».
Vườn hoang nông nổi nhưng bụng mất
Thóc đổ mè man chứa nặng mè.
Tục tác lá chanh còn ghèn cô,
Khoan khoan bắc nước hời bà kia.

V

Vẽ mặt làm chi mấy cu gà,
Đá nhau thời có ích gì mà !
Dưới chân má vịt tranh ba miếng,
Trước lưỡi giao trâu nghèo một ma
Cửa sắt thả khoe cũng kẻ lạ,
Lòng vàng xin nhờ cũng con nhà.
Phá lòng nếu có khôn ngoan nữa,
Xin giắc diu nhau ta vớt ta.

VI

Nằm co một khoe mãi mèo ôi !
Lấp kín phân, nhưng đã thôi rồi.
Đầu động tới trời quen rửa mặt,
Đám khoe cùng chuột ý dài đuôi
Thịt chưa vào miệng siêng canh bếp
Chó đỡ mang đòn dạn đánh nời
Nhóc nhách hãy còn râu vuốt ngược.
Tư bề cộp thét nõ bụng tai.

VII

Ôi ! người ba đẳng của ba loài,
Thấy chó nhưng mà ngán những ai.
Giáo cướp vào nhà đuổi quýt đất,
Gây mây ngó cửa miệng vang trời.
Tham mùi bả quả liều thân chết,
Thấy miếng ăn rồi cảm cổ xơi.
Người lạ dân Nghiêu nhưng cần tuốt
Ở trong loài chó một không hai.

VIII

Đau đớn mồ ai cổ chữa xanh,
Tư bề rặt những kẻ nhẵn nanh
Nở cười cho tỏ tình lơ lảo,
Chẳng khóc ai là đứng ngậm thỉnh.
Loài chạy hừng hồ hồ với thỏ
Mùi chua lạt hồ khế cũng chanh
Nu cười còn đó xin ai nhớ,
Kẻ trước xong rồi sẽ tới mình.

IX

Ba de nay mới đổi tên này.
Kẻ cắp ngày xưa cũng tội này.
Mắt ngược mắt xuôi cò lên tếp,
Chân sau chân trước khi leo cây.
Bà già gặp gỡ trời chưa xút
Hàng nhóm lao xao chợ đã đầy
Ghê nữa « ba de » cao đẳng lột.
Cấp ban đêm lại cấp ban ngày.

X

Chớ rằng kiến bé chẳng nên g.
Cổ sức tha lâu tổ phải đầy.
Tắc bãi gang cầu đánh chạt bước.
Ngậm bùnphun cát cây đông bầy.
Qua sông đung nhíp cầu trời bắc.
Dựng nước ghe phen lụy đất dày.
Cha chú con em xin gắng g.
Khí chưa mưa gió rạp đều tay.

XI

Nghe nói ông voi đã dật mình.
Khen cho châu chấu quá ngông nghênh.
Gan đương xông dạn quên hèn nhỏ,
Quyền phải tranh liều quyết tử sinh.
Bó cẳng ghe phen trăn cuốn nó,
Rúc vòi dung nhíp kiến bênh mình.
Voi ơi, chấu cũng hòa bình rất,
Tức tối non sông há của anh.

XII

Té ra nấu thịt chỉ nổi da,
Mang yếm mà ra cột cổ bà.
Mũi đã mất rồi răng lõm lạnh,
Diều vừa đặt xuống, cắt liền tha.
Cơm toi đầu mãi nuôi người lạ,
Áo giấy thôi đừng học thói ma.
Đầu gối hay bò chi sợ dơi,
Đường dài muôn dặm chờ rằng xa.

TRONG LÚC ĐAU HÁT CHƠI

I

Nghĩ lời ai kia quá nực cười,
Tưởng ngờ làm thiệt hóa làm chơi.
Đất người tấp từng chuông vai tiếng,
Cửa sấm lung tung trống mấy hồi,
Nhà chữa cháy đã tro mặt chuột,
Mật càng ngọt lắm hết đời ruồi.
Lẽ nào tất thấy đoàn chim cá,
Chẳng tiếc thân mình chỉ tiếc mồi.

II

Biết đau rằng đại biết đau khôn,
Chơi lửa trầm trở lủ bé con.
Đứt những bao giờ, duỗi nồng nọc,
Bay là thể đó cánh chuồn chuồn.
Chân rùa mình tưởng hơi qua biển,
Vai muỗi ai ngờ gánh nổi non.
Đặc đặc đường đời đương lăm ngà,
Khôn thời xin tính cuộc vương trôn.

III

Xưa nay dan dối há dài lâu,
Biết thế nhưng mà lăm kẻ trau.
Đầy túi mật heo dây mật gấu,
Nỡ lòng bâng cá đá hàng rau.
Vóc hươu chẳng lẽ lăm ra ngựa,
Mất cá bao giờ lẫn được châu.
Nghĩ lại càng ghê cho môn lão,
Mười voi nấu xáo có gì đầu.

IV

Việc chi nghĩ trước chớ nghe thâm,
Nếu chẳng hay thì chả chịu lăm.
Nỡ bỏ thân vàng vào miệng sấu,
Uông đem tay trắng vuốt râu hùm.
Đường xa nhắm mắt theo ma dẫn,
Nó vãng to gan rước quỷ năm.
Đầu có liều chẳng liều phải nghĩ,
Một người khôn chẳng dại hàng trăm.

V

Lao xao đoàn én hót vang trời,
Nhà làng diều thiêu lửa tới nơi.
Nước đã đến chân nhưng hôn hồ,
Đất chưa vui xác hầy rong chơi.
Non sông bốn mặt cười hay khóc,
Thân thể trăm năm théc với xơ.
Người cũng linh hồn như kẻ khác,
Sao chiêm bao trót một đời người.

VI

Học ai khen khéo học bề ngoài,
Học chẳng hay chi cứ học hoài.
Hát bông say tưởng trai gái giả,
Nhảy đầm quên việc thánh thần ai.
Văn minh đèn đã mê lòng bướm,
Phú quý đường thêm như lũ ruồi.
Đã học phải thắm cho tới ruột,
Mắt ta nào phải học trông ngoài.

VII

Ai biết thầy đầu dỏ với hay,
Chôn tro ngu hết mới trời thây.
Trên đàn miệng phật che lòng rắn,
Trong điểm đầu dê bán thịt cầy.
Da cạp trum nai khi lũ dốt,
Mắt công pha mật giết người ngây.
Được thầy như thế ơn thầy tốt,
Hỏi các trò ơi phải tỉnh ngay.

VIII

Cha mẹ thương con mới là chờ,
Con đau con khổ vậy mà ngờ.
Không cơm luôn cháo cha ngồi ngó,
Rót thịt rồi da mẹ đứng tro.
Lên mặt ông bà cao tốt núi,
Cẩn rằng cháu chắt khóc hơn mưa,
Thương như thể ấy e thương quá,
Hỏi lũ đàn con đã biết chưa?

IX

Thằng đầu gối cỡi cổ thằng đuôi,
Lại có thằng đầu cỡi tới cỡi.
Trâu cột trâu ăn dưa lẫn ghét,
Cả con cả lờu diều tưởng xoi.
Heo đương em giặc dao kẻ cõ,
Chim chưa đầy lông lưới khắp trời.
Chẳng tỉnh ai ơi, ai chẳng tỉnh,
Chờ ngày chết tới hỏi ai ơi.

X

Sau khi chôn mồi lại hung hăng,
Chưa biết thời ta cứ nói phăng.
Bỏ nước nào còn dòng họ cá,
Tội trời rồi biết cảnh lông bằng;
Nghìn năm chèo chống thuyền vào bến
Muôn miệng hò reo búa tới rừng.
Sự sống mình làm mình mới sống,
Sống lâu há lẽ mãi ngồi đưng.

VÔ ĐỀ MƯỜI BÀI

Kẻ thấy gió lên với mưa rình,
Mình đã lâu nay lững cả mình.
Mà bệnh đa tình theo lẽo đẽo,
Quĩ sâu đất ý dọn loanh quanh.
Văn chương hồi rẻ thôi đừng chọ,
Ý khí ai cao dám độ thành.
Những ước trời cho đời cánh khỏe,
Tha hồ Bạc-Lải lại Nam mình.

II

Mình biết mình già biết cả ông,
Một phùng tóc bạc lại răng long.
Chun lạnh miệng sắc thua con bé,
Vai rắn đầu vuông chịu cổ cứng.
Đất chạy lẫn hoài nam xáo bắc,
Trời xoay chuyển mãi hạ thay đông.
Đời này nếu cứ tro tro đó,
Thơ thánh tiên, rồi rượu thánh hùng.

III

Anh đi đâu miết nhớ anh hoài,
Góc bể chơn mây kẻ mọi nơi.
Nhan nổi cá chìm lơ lửng mắt,
Gà kêu chó sủa chán chường tai.
Toan đi cho rảnh hiềm không đất,
Chắc biết nhau sâu họa có trời.
May nhíp chúng ta còn gặp gỡ,
Bắt tay rồi khóc, khóc rồi cười.

IV

Mù mịt xanh vàng lăm chuyện ngóng,
Chẳng gì ra có chẳng gì không.
Bên chân cây lớn chia với kiến,
Trước mặt tường vôi vẽ vẩy rồng.
Tai điếc vì chim kêu tuyết hạ,
Óc sâu thấy chó sủa trời đông.
Ừ ta ta vẫn là ta chứ,
Bề chữa khổ đâu, núi chữa lòng.

V

Ài biết trần gian hầy có người,
Thoạt nghe tường ngọc sấm bên tai.
Trên mây mặc ý hồng giảng cảnh;
Ngôi qui xem đường dẹp nữa đời.
Phơi tổ cùng trời gan đồ chơi,
Lóa lem thấy kẻ mắt đen thui.
Giàu sang có lẽ lã nên phúc,
Sau ngựa* can gì thức ngon roi?

VI

Xưa nay với xác kết anh em,
 Xác nỏ quên chẳng vấn vít thêm.
 Hồ hải chẳng xa rừng chẳng cách,
 Tổ giống khi động núi khi im.
 Mãng chơi theo gió bay luôn thắng,
 Say dọn cùng trăng thức suốt đêm.
 Dầu ước ngàn thu nhưng mãi mãi,
 Công đâu số độ việc hằng năm.

VII

Chưa xong cái chết mãi hoài ngu,
 Đã chẳng hơn ai lại thiệt thua.
 Bối quá thương người oan giót lệ,
 Vì say tin Phật nặng vai tu.
 Đá linh-vệ rào vờ chưa cạn,
 Cát giả-tràng xe sóng vẫn thù.
 Thôi đã ngu thời ngu tốt bụng,
 Ngu cho thiên hạ nức cười to.

VIII

Rõ ràng người ngọc chốc mệnh mù,
 Đang bắt tay nhau thoát trái nhau.
 Hồn chị xa xôi treo kiếng sáng,
 Thân em đau đớn vụng đường tu.
 Năm canh phất phưởng nghe ai gọi,
 Muốn dặm mê mang đón khách sầu.
 Vì nhớ càng trông trông lại nhớ,
 Tiếng gà trời rạng quốc đêm thâu.

IX

Trời qua cao thay biển qua sâu.
 Ai dè tráy nhỏ hóa ung to.
 Ông nuôi tay áo gầy nên tội,
 Hưon nhảy đường quan diễn khắp trò.
 Lòng canh cánh lòng cời nhữg xác.
 Ruột gan gan ruột té ra thù.
 Nhân duyên một phút thành oan nghiệt,
 Đất khuyết này xin cây đa bù.

X

Đất bạc trời đen mới ngân chưa,
 Thấy người nay lại nhớ người xưa.
 Hy sinh giả dặt đời tham rẽ,
 Nhân nghĩa hàng mai chợ quá trưa.
 Thần thánh bía côi hạ thước dất,
 Non sông lụy xô bốn mùa mưa.
 Hồn ơi chuyển nữa ta chơi hữ.
 Rượu giốc bầu tìm nhấm sản thơ.

NAM THIÊN ĐƯỜNG

HANOI



Là một nhà thuốc dùng toàn vị thuốc
 NAM mà bảo chế CAO ĐƠN HOÀN TÂN,
 nên thuốc đã hay mà giá lại rẻ.

VỊNH VẬT MƯỜI BÀI

I

CÁI TRỐNG

Khen khéo cho ai chế tạo mây,
Có danh mà thực chẳng ra gì.
Mặt lì thấy kẻ hai đầu đánh,
Bụng trống không tròn một tỷ giây.
Ra lệnh ba hồi vang tiếng ác,
Kể rỗng năm sắc phẩm người ngay.
Da trâu tang mít thời dùng lão,
Chờ sấm trời kêu sẽ biết tay.

II

CÂY CỜ

Ai ơi xin thử ngó cây cờ,
Một lá kia kia dạng phất phơ.
Cao thấp quyền về tay kẻ múa,
Trắng vàng màu lựa mặt người tra.
Trên cao mấy cửa chiều bài hảo,
Xoay đủ tư bề ngọn gió đưa.
Rồi cũng về tay ai nấy phất,
Xôn xao dưới bóng bọn vây hùa.

III

ĐÈN ĐIỆN

Chẳng bắc dầu mà phụt lửa lên,
Xét ra chấu điện chế nên đèn.
Âm dương hai mũi dùi bên sát,
Cao thấp nghìn giây một ống chuyền.
Lâm chớp dễ tranh quyền tạo hóa,
Tắt ngòi đánh xếp phép thần tiên.
Kia ai ham chuộng nghề khoa học,
Nỡ để đèn trường mãi tối đen.

IV

TÀU BAY

Chẳng phải chim mà vẫn khoẻ bay,
Chim nhà khoa học thể càng hay.
Thức đơn khép khéo gây nên cánh,
Mây bắc nam xem vắn ở tay.
Xuôi ngược quanh mình trăm ngàn gió,
Trắng vàng dưới gót chín tầng mây.
Có bay thể mới là tân-học,
Tân-học nhà ta ngủ với say.

V

ĐỒNG HỒ NÀO

Vì sợ người ta ngủ quá say,
Liều công đánh thức cả đêm ngày;
Giờ trời ghi nhớ mười hai tiếng,
Mây thành thiêng liêng một sợi giây.
Chuông có hồi kêu ma phải tỉnh,
Phút không khi nghỉ đất bằng xoay.
Khen cho tài ngủ người mình nhỉ,
Reo đã bao nhiêu cũng kệ thầy.

VI

XE LỬA

Sộc sộc đường xa chạy thẳng tay,
Rút năm lam tháng, tháng lam ngày;
Chân người may bớt giờ đau khổ,
Óc thợ càng thiêng máy chuyền xoay.
Còi hót ống kêu trời dậy sấm,
Thùng sôi gió thổi khói lên mây.
Sắt còn dây mãi xe còn chạy,
Xa có bao nhiêu cũng tới ngay.

VII

THÙNG CƠM

Nghĩ lại càng thêm tội nghiệp mầy,
Cơm bao nhiêu nửa chứa cho đầy.
Xôi thừa Hán học mò ghê lạnh,
Mì mốc Tây trao nuốt ngán gay.
Nhiều lúc cảnh hồng nghe sượng miệng,
Ghe phen lũng đày phải vòng tay.
Thương cho cái kiếp thùng cơm nhỉ!
Chế tạo nhiều càng ế ẩm ngay.

VIII

TÔI NÓN

Thương hại chớ ai khổ nắng mưa,
Liều công che học đề ai chờ;
Nặng tình cây cuốc khi mang đội,
Bận thú ngư tiền buổi sớm trưa.
Khéo dệt chăm, là công nghiệp lớn,
Dầu tàn rách, cũng thánh thần xưa.
Trái bao nóng lạnh, trời thay đổi,
Nên nhớ hồng lau với lá dứa.

IX

HỖN GẠCH

Tường vách nhờ ai mới ven toàn,
Nhiều tay vo đất nấu nèn hòn.
Mặt vuông ta há thua gì ngọc,
Lòng đỏ mình nên giữ lấy son.
Xây tầng đắp nền công đáng trọng,
Tan xương nát thịt dầu nhưng còn.
Xưa nay nhà lớn cần nhiều gạch,
Đoàn kết xin từ thứ núng non.

X

THUYỀN RA BIỂN

Thuyền to thuyền nhỏ rập nhau cùng,
Những ước ra vờ vượt biển đông.
Ngược thác xuôi gành, lạnh bát cày,
Cao mũi sâu đáy, khít ngoài trong.
Tay cầm lái vững kinh gì sóng,
Gió đẩy buồm lên cuốn cả sông.
Sẽ vờ tàu bay đua chóng chạm,
Tới bờ hạnh phúc mới là công.

Kỷ luật nghiêm, thầy giáo giỏi,

Trường **CHẤN THANH**

là một trường tư thật đáng cho các phụ
huynh học sanh tin cậy.

THANH THANH

120, BOULEVARD DE LA SOMBIE
SAIGON

làm đại lý cho
NAM THIÊN ĐƯỜNG
HANOI

là một nhà thuốc
một nhà thuốc đã
nổi danh tiếng khắp
3 kỳ về món THUỐC LẠU
và THUỐC BỎ Á PHIÊN.

SONG THẤT LỤC BÁT

LỜI GIA HUÂN

Hỡi con cháu ơi...

Hỡi con cháu ơi...

Nhân chẳng ai nhân hơn trời đất, nhưng cỏ cây
không gốc thời mưa móc không có thể tài bồi.

Từ chẳng ai từ hơn ông bà, nhưng con cháu chẳng
lành thời thánh thần cũng hết phương phù hộ.

Văn là gốc có sâu thời ngành mới tốt,

Và lại nền có vững thời nóc mới yên.

Vì vậy tổ tiên mây với cao, lằng, lổ, kháo, lỵ mây,
ngày ngày đêm đêm trông mong vào đoàn
con cháu đó,

Nghĩ như họ nhà ta, nhờ ơn che chở, đội đức cao
dày, bấy nhiêu đời xẻ núi tái sông, kể từ thuở
nọ, biết bao nỗi gọi mưa 'chã' gió, mới có ngày
nay.

Tuy từng phen đổi đất thay trời, bề dâu mấy cuộc,
song vẫn cứ rậm cây sây lá, hoa quả tư mùa.

Bởi người xưa từng gieo giống thành hiền,

Nên lũ trẻ mới dày nền phúc thọ.

Con cháu ơi ! Uống nước ơn người đào giếng, ăn
trái nhớ kẻ trồng cây.

—51—

Ấy nhà, ấy miếu, ấy vườn ruộng trong ngoài, cơ
nghiệp ấy biết bao xương với máu ;

Này cháu, này con, này chắt chiu trai gái, dòng
giống này há lẽ ngựa và trâu.

Mong cho tức rõ ngàn thu, nên phải dính ninh
mười chữ :

Vậy nên có bài thơ sau này :

1. Chữ « cần » tức là không nên lười biếng ;
2. — Chữ « kiệm » tức là không nên xa-xỉ ;
3. — Chữ « nhân ái » tức là không nên ghen ghét
nhau ;
4. — Chữ « hiếu » tức là không để liếng xấu cho
cha mẹ ;
5. — Chữ « đễ » tức là không nên làm việc tệ ác
với anh em ;
6. — Chữ « công tâm » là không nên có tấm lòng
lợi riêng mình ;
7. — Chữ « liêm sỉ » là không nên vì những việc
danh lợi tới đỗi mà quên tấm lòng hổ thẹn ;
8. — Chữ « tự tân » là không nên giữ chặt những
tục hủ ;
9. — Chữ « trung trực » là không nên làm những
việc mưu ngầm chước độc ;
10. — Chữ « thành tín » là không nên dă-dối lừa
đời mà trái với lương tâm thiên lý ;

PHÚ

HƯƠNG GIANG THU PHIẾM PHÚ

Lấy « người buồn cảnh có vui đâu » làm vận

Long lanh sắc nước, thăm đậm màu trời ; đôi bờ
hến củ, một là thuyền ai ? Tháng, bảy tám chỉ gian,
bức vẽ lòng sông mặt đất ; chèo đôi ba tùy ý, túi
thơ cảnh vật thú « người ».

Đương lúc đó hồ reo bạch nhật, vượn mùa
hoàng-hôn, chín khúc ử-ê tằm héo ruột, năm
canh dẻo dặt quốc kên hồn. Ngục văn tự thỉnh
linh, xói kẽ thân gieo lửa bươm ; trận võ ný các-
cô, thương người phận mỏng cánh chuồn.
Trong lồng én phách oanh châu, chỉ hồng học
biết ai ai biết ; trước mặt tôm cười tếp bọn,
thân long xà còn đó đó còn. Vải tang hồng xóc
vác những sinh bình, thu xếp lại sẽ nuôi sức
khoẻ ; kho phong nguyệt ben hồ cùng tạo vật, mở
tụng ra toan gác cây « buồn ».

Mây mẩn thay ! trời gần nửa khoang, đất riêng
mặt mảnh. Bên núi Ngự bình ; trước trường
Đồng khánh. Bức thiên nhiên đồ họa, sóng lặng
như tờ ; giọt đại khối văn chương, giòong trong tựa

kiếng. Tả hữu chùa Thiên Mộ và chùa Diệu-Đế, lúc
canh khuya người vắng, tiếng chuông pha tiếng kẻ
vãng vãng ; trên dưới cầu Bạch-hồ đến cầu Bao-
vinh, khi sao lạt trắng tàn, da nước trộn da trời lóng
lánh. Lổ nhỏ mấy vùng bến đá, chẳng Thái công
mà Bàn thạch, hay nhử xuống con dầm ngăn, khác
hắn tuồng đời ; nghèo ngao vài khúc hát chài, có
ngư phủ ấy đào nguyên, lộ là khe quanh nguồn
sâu, mới ra tiên « cảnh ».

Hương hồ ; ngô lác đặc mưa ; trúc liu-liu gió.
Lan ỹ màu xanh ; phong phơi lá đỏ. Lúc cuối trời
mây lượn, liếc mắt đưa nhạn bắc về nam ; khi
góc bể trăng lù, giờ tay khoát chim rừng vào tổ.
Hả chẳng là khi tượng tự do ; ừ thế cũng giang sơn
hữu chủ. Tha nỗ mình hát mình hò ; thấy kẻ nào
giống nào tổ. Trên nước vững một tay chỉ lái, dứng
đỉnh chèo khua sóng chạy, sóng ào ào cổ múa cây
dừa ; dưới trời treo hai cánh chi bướm, thung
dung thuyền cỡi gió lên, gió rạt rạt bờ nhào núi
đồ. Quang cảnh liếc từ bề nhàn nhàn. Hương ơi ! e
phải mây không. Cẩn khôn riêng một chiếc con
con, sông nọ hóa ra mình « Cỏ »

Nhưng còn, đợi rặng ngăn nghĩ ; tựa gió ngâm
ngủi. Đau mấy cuộc đầu chìm bề nổi ; ngàn một bề

cổ dạt bèo trôi ! Ngập trời là sóng vãn-minh, bờ đê
đâu tá ; xoi đất những giòng trước làng, cột đá ai
ôi ! Đai ngò lập ló đầu hươu nai, cờ phất phới lá
vàng thêu mấy sắc ; bển Sờ lơ mờ tăm vượn hạc,
lồn tề mê suối đỏ khóc bao hồi ! Tháp Chiêm-
thành thuở nọ chốc tro tàn, gương hưng phế
ngàn thu ghê gớm ; trăng Quốc giám năm kia đã
cổ rập, mắt thịnh suy đôi giọt sự sùi ! Bè mê-tàn
không có có không, e nữa đắm thiên hạ đắm !
rượu xich bích tỉnh say say tỉnh, đánh chẳng vãi
một mình « vui ».

Vậy có bài ca rằng :

Tho đầy túi hề rượu đầy bầu.
Ngay trời giọt đất hề một huyền câu.
Lẳng heo bắt hề hơi thu.
Khoảng vừng đông hề thôi mây mù.
Sóng hề dậy hề chốc ù ù,
Thuyền ta thuyền ta hề bắt cày mau.
Ngâm một khúc phá thiên sầu hề,
Ai biế thuyền ông nay ở « đâu » ?

1. — BÀI HÁT CHỮ « CẦN »

Lò trời đất dục nên tù khi, dù gái trai ai nấy cũng
thông minh ;
Loài người ta vạn vật chỉ linh, sao người giỏi mà
minh thời hèn mạt.
Mắt hay thấy, tai hay nghe, chân tay hay chuyển
bat, óc thiêng càng linh hoạt hơn ai ;
Cửa nhờ đất mà năm tháng nhờ trời, ngày đêm
24 giờ đặc đặc,
Nếu siêng thì việc gì làm chẳng được, chẳng đủ
quê, chẳng cảm diếc há thua ai.
Tội linh cho một món người, tham chơi tham khỏe
ngồi hoài ăn không.
Sĩ chẳng sĩ, nông chẳng nông công chẳng công,
Thương chẳng thương, lực dả biếng mà tâm căng
ở nề.
Hèn như thế lại lười như thế, áo với cơm mặc tề
ăn tại.
Ai hay ai dở mặc ai, ăn rồi ngồi nề nằm hoài cả ngay.
Cũng có kẻ phúc trời lộc nước, lại ca, nha,
tửu, bác kiếp phong lưu, nước nhà nghiêng vào
phách với châu, điền địa đổ vào xe với lọ ;

Vào cuộc rượu dốc tan cơ nghiệp lỗ, mấy lá bài phồng sạch cửa cha ông, chôn mình vào mã chơi rong, vì chưng lười biếng nên không học nghề.

Con cháu hồi xin nghe ta nhắc, lời xưa rằng : « Cần tắc hũu công ». Nhắc thời chẳng việc gì xong, siêng thời muốn việc ở trong tay mình ; siêng gieo cát ruộng Tinh lớp lớp, bẽ bao nhiêu sâu ta lấp cũng bằng. Siêng dọn đá, siêng đốt rừng, núi Ngũ công đó dễ dựng đầy đời. Siêng thời việc tây trời làm được, nhắc thời công gánh nước chẳng xong ; người đâu phải kỷ sinh trùng, có ăn có mặc há không có làm ! « Cần » với « dọa » thành phẩm chia lỏi, công bởi siêng mà tội bởi lười.

Con ta ơi ! Cháu ta ơi ! thương cha tiếc mẹ chờ người chữ cần. Có thân thời phải lập thân.

2.— BÀI HÁT CHỮ KIỆM

Ơn trời đất với ông cha trước, dành rừng vàng bẽ bạc lại cho ta ; một hạt cơm là một giọt máu pha, một sợi vải mòn biết bao là đốt ngón ! « Nhứt thốn sơn hà kim nhứt thốn » của ông cha mà hao tổn lẽ

nào đành. Tiền tài là máu mủ dân sanh, biết ái thích mỗi lợi mình và lợi nước. Trách những kẻ tham bẽ khoai lạc, vắt máu me mà rước lấy cái chi chi ; nào sấm-banh, nào cô nhất, nào bít-quy, rằng sang trọng có gì là sang trọng Cửa hữu dụng đem làm vô dụng, nuốt khỏi mồm thời vào bụng đả ra khu, ăn gì cũng cốt cái no, ta xưa đâu có sữa bò bánh tây. Còn một việc càng kỷ cho họ, áo sa tanh áo lụa cấm chân ; tơ vải ta trốn dân chẳng có, học văn minh say vô bổ hỗn ; cửa thẳng đại nuôi thẳng khôn, đắp mồ xa xỉ để chôn mình vào. Trong dòng họ biết bao người cực khổ, tiếng khóc vang mình lẽ diếc tai chẳng ? Bớt ăn ngon mặc đẹp, chút gọi rằng, ơn xẻ áo chia cơm còn mãi mãi, Huống thể sự hữu thành thi hữu hoại, kia giang hà đầy mãi có khi vơi.

Giàu nghèo sướng khổ lần hồi, nếu không dè dặt có trời nào thương. Giàu Thạch sùng treo gương chết đói ; sang Lý-Tư đến nổi sát thân. Sao bằng tiết dụng ái nhân, thời người nhờ cậy mà thân cũng toàn. Lòng trời vốn chẳng ghen ai cả, tiếc của trời trời trả phúc cho. Mặc vừa ấm ăn vừa no, của ta ta để đắp bồi cho ta. Nghĩ máu mủ của cha ông trước, dành một phần ích được mười phần. Hay được « kiệm » thì « nhân » cũng được,

minh xong rồi ích quốc lợi dân. Cửa dân đầy túi ngoại nhân, mỡ dầu đau để béo quân gặt mình. Gương xa kiếm rãnh rãnh trông thấy, kiếm thời lên, xa xỉ thời lui. Con ta ơi ! Cháu ta ơi ! Cửa ta là cửa những người ta xưa. Kia đáng sấn phá gia ai đó ? Xin các con trông họ làm gương. Những đều xa-xỉ chớ màng.

3.— NHÂN ÁI

Người sở dĩ khác hơn cầm thú, vì lòng nhân trời phú cho ta. Có nhân ái mới ra nhân chủng, nếu bất nhân là giống muông chim. Mắt điều ó dăm dăm rinh lên, miệng soi beo nhai nghiền chúng sinh ; kia rắn rít, kia kinh, kia sấu, người bất nhân là lũ yêu ma. Làm người ta phải yêu ta, có lòng trắc ẩn mới ra con trời ; yêu già, yêu trẻ, yêu bạn lứa giống nòi, tấm lòng ấy phôi thai từ bụng mẹ. Trách bạc ác tham tàn kia những kẻ, mày mặt người mà gan phế hùm beo ! Ở gà nhà nở công rắn vào, mỗ ông vãi nở xui voi đập. Thân làm ngựa làm trâu đã đáng kiếp, còn làm le những nghiệp hành hung. Than ôi người đã hết lòng, biết

dầu dòng giống cha ông là gì. Cá nuốt lẫn nào bay lên thớt, chim cắn nhau nào biết vào lồng ; đã rừng tai núi họa chắt trùng, mà ác độc lẫn lòng chưa chút bớt. Ai ơi hỡi cũng xương cũng thịt, nòi Lạc hồng một ruột sinh ra, nở nào ta lại ghét ta, gây nhà đem đánh người nhà cho đưong. Nghĩ nông nỗi càng thương nông nỗi, giọt châu sa chín suối chảy rờn rờn. Hỡi ai ơi, ôm ấp lấy nhau cùng, may ấm cọng no chung là hạnh phúc

Cường thế giới dăm dăm rinh thịt nhược, ai thương mình, mình trước phải thương mình. Cháu con ta nếu nghĩ đến vong linh, chữ nhân ái phải dính nòi vào da. Thiện ác xét cho rành hai ngã, ghét ghen nhau là họa cho mình, ai ơi giữ lấy làm lành.

4) HIẾU

Người ta được sinh vì nhân tử, ơn cù lao chín chữ vẫn xưa nay. Đức sanh thành sánh với cào đây, nghĩa báo đáp há một ngày mà xưug đáng. Nào tấm áo lưng cơm, nào chè năm thuốc thang, nào

lửa hương thấp thoáng có vào đâu. Lòng hiếu ta
tinh trước lại toan sau, phải vạn tuế thiên thu
danh tiếng sạch. Giòng Hồng-Lạc vẫn thối nhả
thanh bạch, vùng trời nam riêng một mạch nhân
tử, biết bao công đức tới bây giờ, đường cầu rõ
ràng in văng tích. Rủi gặp lúc gió lay trường mưa
đổ vách, cơ nghiệp xưa đất lệch lại trời nghiêng.
Cột ai dằng, rường ai chống, trường ai dựng, gạch
ai khiêng, công nghiệp ấy chắc đoàn mây cất nổi.
Bề trần trọc mặt mờ mù với bụi, nền nếp nhà gần
gỡ giữ cho trong. Bấy thước mình « duy thể » của
cha ông, nở chen chúc vào vòng chó ngựa. Thân
con ở thẳng hầu mà hơn hở, đồ tiếng nhớ cho bác
mẹ có đành không ? Tiếng con bà mà lại cháu ông,
vẹn chữ hiếu gì hơn trong với sạch. Con tiết nghĩa
cha ông càng hiển hách, dưới tuổi vàng hôn phách
mỉm cười luôn. Ấy là cháu ấy là cháu, ấy là con,
danh dự ấy rõ ràng môn hộ ấy. « Thiên địa chi
tinh nhân vi quý » sang gì hơn chức vị một con
người. Giòng thần giống thánh trên đời, hồn ta
mong mỗi những người đời sau. Muốn lành chữ
« Hiếu » làm đầu.

5.— ĐỀ

« Xuất tặc đề » rành rành lời Khổng thánh, đề
là sao ? ta phải tính cho ra. Đoàn loài người lớn
bè trẻ già, khắp thấy thấy một nhà ra một nước.
Trộn nghĩa vụ đồng lao hợp tác, bắt tay nhau hòa
lạc mới thành công. Thuận nhau thời tất cạn bề
đồng, xường họa phải anh các em thùng cho rập nhịp.
Nghĩa sau trước liệu đường khoan kíp, có tề gia
rồi tri quốc mới làm xong. Anh em nên riu rít lấy
nhau cùng, khi san cơm, khi xẻ áo, khi bớt lạnh,
khi chia nóng, khi cười nói dân nam chen địch
bắc. Ưu đồng ưu mà lạc đồng bạc, gánh Giang sơn
anh vác với em nâng. « Đề » này cô phúc gì bằng,
một đoàn hòa khí trăm tầng đại xuân. Trách
những kẻ bất nhân sao chẳng nghĩ, nở đành lòng
đồng khí tương tàn. Một câu dò; một tề gia,
một lời hơn, nở xương thịt ruột gan mà chênh
mãng, bịnh địa vô đoan phiên nộ lãng, tịnh thiên
bất trắc khí âm vân, há phải rằng kẻ Việt với
người Tần, mà nọ béo kia gầy cho bỏ ghét. Tội
bất đề thiệt là dày oan nghiệt, cháu con ta phải
biết chữa mau. Một thuyền chung, mũi lái chia nhau,
dầu sóng gió bao nhiêu ta chẳng sợ; con cháu là
con cháu cả, hồn lờ tiên mong thương hạ nhưt
tâm. Lời này ghi nhớ muôn năm.

6. — CÔNG TÂM

Loài ăn mặc ở trong xã-hội, dệt với cây cửi gai cùng trai, ta no ta ấm hỏi nhờ ai ? biết công đức mỗi người nhiều lần. Đoàn sinh tụ xúm nhau trong một đám, no chung nhau mà ấm cũng chung nhau. Ai hơn ai thiệt có ai đâu, tình đồng chủng nghĩa đồng châu đều thế cả. Nếu lợi tha tức là lợi ngã, lòng đại công nên thiên hạ nhứt gia. Huống gì chung một con nhà, lẽ nào ích kỷ mà ra hại người. Lòng tư lợi trách ai quá chặt, riêng một mình đánh vật cả đồng bào. No riêng được đâu, ấm riêng được đâu (2) họa lửa nóng trước sâu e thấy thấy. So nặng nhẹ lợi nhân và lợi kỷ, cuộc vuông tròn tính kỹ phải bình quân. « Kỷ dục lập nhi lập nhân kỷ dục đạt nhi đạt nhân, » (3) mưu hạnh phúc phải tuân lời thánh dạy. Việc công ích khuyên ai chần khĩ, lỗi công bình xin khá dặt dìu. Hang tư hồ lợi bao nhiêu, bồi cao thời sụp càng sâu ích gì. Cuộc tang hải vẫn xảy như chớp, giặc chim bao mắt nhắm chẳng bao lâu. Chắc gì vinh, chắc gì quý, chắc gì giàu, phúc công cộng nghìn trâu là phúc lớn. Xương thịt một nhà xuân mãn mãn-non sông

2 Sung sướng riêng được đâu.

3 Kỷ dục đạt nhi đạt nhân.

muôn thuở phúc đồng đồng. Chữ đại công xin ai nấy tạc vào lòng, xếp tư lợi để vun trồng công đức. Sự nghiệp lớn phải đồng làm đồng lực, cháu con ta nên thức tỉnh cho mau. Giặc nhau thoát kiếp ngựa trâu, lợi riêng vật sạch phúc lâu rước về. Lợi này con cháu phải nghe.

7. — LIÊM SĨ

« Nhân bất khả dĩ vô sĩ » người chẳng liêm chẳng sĩ có ra gì, khắp cả loài khấn yếm với râu mày. Lòng tu ố sẵn từ ngày thơ ấu. Xem nên bốn nên ba đoàn lũ bé, nét hồ người còn có vẽ thanh tao, huống gì phượng tuổi lớn ác cao, trường do bản lẽ nào mang mặt lợi. Một mỗi tình thần no khát cái, phong lưu xát thịt chẳng bao lâu. Nào qui, nào lạy, nào bầm lén, nào lừa thâm tuồng nô lệ một vịnh trâm cái nhục. (1) á chầu chim lồng ghê lúc nhúc hỏi làm thầy làm chủ ấy ai ai ? Chui lón cho một cái dơi, uống công cha mẹ bù loài ngựa trâu. Các con hỏi ngánh đầu ngó lại, cha ông xưa lừng lẫy kèm gì ai. Vinh quý gì phận tớ với thân bồi, liềm danh giá dễ làm mỗi no ấm. Nghỉ nông nổi càng đau đớn lắm, cha ông sao mà con cháu thế này ; quên liêm sĩ ra gì,

ngó non nước càng tủi vì giồng ngu liệt. Hỡi con cháu biết chưa chưa biết, xin giữ gìn danh tiết cho nang. Gì nên thừa, gì nên bầm, gì nên dạn, gì nên vàng, gạo bao ná mà gãy lưng, thối chớ chớ. Vạc hân một cần cầu nước lã, đá Thương và xum cò non côi. Dễ dưng dầu ép bậu làm tôi, trong sạch thể đáng con và đáng cháu. Mọi cột giữa giồng xanh vũ trụ, cho hay bốn bề hỷ còn người. Gắng nghe con cháu ta ơi.

8. — TỰ TÂN

Cơ tạo hóa xoay vần « Cùng tắc biến » nghĩa tùy thời thiên chuyển cũng là thường. Cuộc Á Âu trông đó làm gương, người mới mới sao ta đương cũ cũ. Mấy nghìn năm thói quen tục hủ, giầy tan tành mà mũ lại thối hoang. Nào học thuật, nào văn chương, nào tư tưởng tinh thần đều củ rích. Áo và mũ còn gì chẳng rách, nhà dột lầu trường vách có còn đâu ! Nếu ta giữ lấy bo bo, hình bùn lợng gồ có dẫu thanh thần. Nào hôn, nào tang lễ lễ văn, bao tiền của biết bao thờ tục hủ. Nào nong lợn, dầu bò, nào làm long tróc hồ, khắp năm châu không tại, một minu trơ. Nếu tổ tiên còn sống đến bây giờ, hằng quệt mắt lặc dầu vì chúng

nó. Phòng người bệnh bị' bụng không khí cò, nếu chẳng thay e hôm vô phải mau mau Nghiệp trăm năm lo mạnh lo giàu, phải theo thể lựa chiều mà đổi mới ; hình thức nếu hữu thành thời hữu hoại, cớ lẽ dầu hũ bại đến tinh thần ; chữ rằng : « Cầu nhưt tân hựu nhưt tân » đường lối mới phải lần lần tấn bộ. Sóng bạc mây vàng chen sắc đỏ, mưa Âu gió Mỹ cuốn trời nam. Mọi gì hay càng mới càng làm, dầu núi đổ sông nhào ta chẳng quản. Nhưng mới có hai đường khác hẳn, « vô da » cùng « lòng ruột » trái nhau. « Vô da » ta có kẻ vào dẫu, lòng ruột phải đổi trao cho mới mẽ. Hô một tiếng : « Tự tân Vạn tuế » đoàn già trông lũ trẻ có ngân này. Đỉnh tân cách cổ cho lay.

9. — TRUNG TRỰC

Vàng đá bền dai nhờ chất tốt, bá tưng xanh mãi bởi lòng ngay.

Tinh người trung rực mới là hay, tuồng mũi chuột mũi giới ai có kẻ.

Ngân thể đạo nhân tâm nay quá tệ, lối rắn đi cáo nấp dũ trăm đường.

Sinh gian tà mà bị bạc trung lương, lòng tưng bá, đá đá vàng không mấy kẻ.

Thậm đến nỗi phụ tử, phu thê, huynh đệ, cũng
quanh queo tỏ vẻ những tuồng gian.

Cũng tim, cũng phổi, cũng gan, người mà đến thế
thiệt oan lỗi người.

Sao chẳng sợ mặt trời soi xét, thẳng với công trời
quyết có lăm đầu.

Chính là luận định về sau, trọng thẳng Tần cõi
đứng hầu Nhạc-phỉ.

Ấu ta cứ đường ngay mực thẳng, khổ nhứt thời
mà vinh dật ngàn thu.

Dầu việc đời khéo léo đến đâu, chẳng qua nề mực
tàu là đúng thước.

Xem phương hướng lên đường gia với quốc,
« trung » là tìm mà trực ấy là châm.

Đường-dương-Chu khả bắc khả nam, con cháu thế
nghĩ càng dăm giọt lệ.

Tiên tổ hữu linh mong hậu duệ, lòng ngay dạ
thẳng ấy là người.

Lời này vàng ngọc không phai.

10 — TÍN THÀNH

Công chín chữ muốn cho hoàn tất, chữ « tín-
thành » là đệ nhứt quan đầu. Trời tín thành nên
ấm lạnh trái xuân thu, núi hằng cao bề hằng rộng.

sông hằng sâu, đất thành tin mới quả cầu xây vạn
cổ. Ôn đất chỗ và ơn trời phủ, có loài người mới đủ
tam tài. Thế nào là gọi bằng người? Có trong bền
chắc mới ngoài vẻ vang. Nền ghét nhứt là phường
giả dối, mang da hổ mà xác sói khéo lừa đời.
« Kiệm » với « Cần » phần sức ở bề ngoài, rằng
« nhân ái » cũng thóc mười không gạo một. « Hiếu
đê » chẳng qua đầu miệng tốt, mượn cha anh mua
lốt vinh hoa. Trống « Công tâm » nhịp bảy nhịp
ba, miếng tư lợi vẫn lấp la lấp lẽm. « Liêm sỉ »
« tự tân » hằng nói trém, mắt chuột chủ, mồm
sinh lem, văn minh mũi ai biết cộp hay mèo.
Chúng trộm dê mua dăng bán cha liêu, cách
« trung trực » một đều thêm chân ngắn. Mười bát
xáo voi trời cũng bán, hai tay bắt cá nước mà buôn.
Tình tệ này càng nghĩ lại thêm buồn, nào ai muốn
cháu con mà vậy vậy. Con cháu hỏi hỏi con cháu
hỏi; Chữ « tín, thành » nên dạ tạc lòng ghi. Danh
mà chi, lợi mà chi, quyền vị cũng mà chi, mưa
nắng mây nhưng lòng này không chút đổi. Rẻ rúng
nghìn vàng đèn tiếng nói, ra vào muôn thác giữ
lòng trinh. Thế là « Tín » thế là « thành », trời ghê
dạ ngọc, đất kính gan vàng. Làng xóm với họ
hàng dành tín cần, mà năm châu bốn bề hẳn đều
tín. Rẻ sâu thời gốc mới bền, thiệt con thiệt cháu

nền tín nên thành. Làm sao cho thỏa tiên linh.

Lời thập giới với mười bài hát trên kia, vì hồi thương con, thiết cháu, mong rứt rõ tiền đồ, vấy nên rạch da phơi gan để ngăn ngừa hậu hoạn. Buồng ngực túi cây ai cầm đuốc dọi, nhờ phát từ bi, nhờ thần chính trực, xui khiến ta đánh thức chúng mây lên. Giống da vàng nhiều kẻ cắp giao rinh, kia dòng Nhật-bản, kia bắc Trung-hoa, thời thế ấy những loan kiếp tới.

Đạo cao thời được phúc, thế nào ở, thế nào ăn, thế nào nói, giết yêu ma nhờ đạo mạnh guơm khôn; nhân định chắc hơn trời, chó lòng nghi, chó lòng ghét, chó lòng ghen, đây nền móng sẽ nhà cao họ lớn.

Hỡi ơi! núi có khi mòn sông có khi cạn, giống giống ta nhưng địa cửu thiên trường, con sao là thánh, cháu sao là hiền; lời lẽ ấy phải kim minh thạch lặc. Khốn thời biết nghe, nói đâu cho hết.

ĐÊM TRĂNG HỒI BÓNG

Đêm lơ lửng mình cùng trời đứng,
Minh hỏi trời, trời lững lăm thình l
Trên trăng, dưới nước, giữa mình,
Thôi thời với bóng tự tình vãn vi.
Khen cho bóng thiết tay lạnh độ,
Chưa dứt câu, đã mở miệng rồi.
Rằng: « Ai như nghĩa ông tôi ?
Khi đi, khi đứng, khi ngồi theo ông,
Sao ông vẫn hình dung buồn bã ?
Khiến cho tôi cũng rầu rả vì ông !
Điều gì uất kiết ở trong ?
Xin ông kể hết nỗi lòng tôi nghe.
— Ừ, muốn nói nhưng e đêm vắng
Lời quá dài thêm bận lòng người.
La lũng cho mù bà trời,
Thình lình để rớt một người là ông !
Oà một tiếng non sông nức nẽ,
Nói Rồng Tiên xin kể một người.
Sáng hai mắt, tỏ hai tai,
Khốn thân bấy thước khá dài khá to,
Đầu óc cũng tròn vo sâu hoáy,
Rầu mảy xem dáng thay nam nhi.

Mỹ, Âu đất hạ chạt gì ?
Tinh cờ sinh ở Trung-ky Việt-Nam.
Sao chẳng điếc chẳng câm cho rảnh ?
Sao hay mang hay gánh hoài hoài ?
Chân không sao muốn đá trời ?
Tay không, sao muốn lấp vời đời non ?
Lưỡi khua mõ chẳng mòn sao nhĩ ?
Ruột quay tơ chẳng nghĩ vì sao ?
Gân đồng xương sắt thế nào ?
Đánh cho muôn sắt bắn vào bia thân !
Sao mãi mãi phong trần không đã ?
Mà gan vàng dạ đá trở trở ?
Ích gì nghĩ vẫn nghĩ vơ ?
Nghĩ mình mình lưỡng ngần ngơ thảng ngáy ?
Chẳng ích gì sao hay làm mãi ?
Làm mãi sao chẳng cái gì thành ?
Tại ai ? hay tội tại mình ?
Tại mình hay cũng sự tình tại ai ?
— Bông nghe hỏi thở dài và nói ;
Kề đầu đuôi thừa tội tại ông :
Miệng đời độc ngọt gian nồng !
Sao ai lừa gạt mà ông nghe liền ?
Ông xem xét sao nhiều hờ hững ?
Việc trăm năm tưởng những rày mai !
Lòng ai ông tưởng như ai !

Biết đâu rần rít hươu nai đầy đường !
Người khôn khéo ông càng sưa vụng,
Trước bày ma phun giọng phật linh !
Ngu sao chúng trọc mình thanh,
Cuồng sao chúng túy mình tỉnh mà gì ?
Ông chẳng thấy đời này danh giá ?
Chẳng gì hơn xe ngựa lâu đài,
Ngon cơm lột áo là rồi,
Ai còn tưởng đến việc ngoài thân gia !
Dầu lịch-sử ông cha thầy kệ,
Nhục hay vinh họ kể gì đâu.
Việc gì ông cứ bo bo ?
Trong thiên hạ kẻ rất ngu ai bằng !
Ông thử giặt nường trắng xuống hỏi,
Xem như lời tôi nói phải không ?
— Nghe lời lòng lại dấn lòng ;
Đã xe trước đỡ còn mòng xe sau.
— Bông hỏi bông giùm nhan tính rồn,
Còn sau này với bạn tâm tri.
Vùng trắng vừa ăn non tấy,
Giời đông lụng lụng lại mảy với ta.

ĐỀ SAU BÀI PHÊ BÌNH

« TẦN CUNG OÁN »

Hoang niên chi túc, phong niên ngọc
Giả văn chương, mặt tục ngữ cùng ai.
Bề xanh vô số châu rơi,
Non bông vô số ngọc hoài với tro.
Ba trăm bài, thơ trời đời Chu,
Khuyết tên họ, biết bao cô với cậu.
Thơ Thử-ly, đau non nước cũ,
Thơ Mộc-quá, trách làng giềng gần.
Thơ Lục-nga, đau đôn song thân,
Thơ Mạnh-lại, ăn năn chồng vợ
Tinh chân chính, mà văn càng hay quá.
Miệng xuân hoa, vừa gan dạ thu sương,
Thiệt là một chữ đáng nghìn vàng
Không Khổng-thánh, e hủ tương ưp ráo !
Thế mới biết duyên văn là cơ xảo,
Có văn hay cần có kẻ biểu dương.
Thơ hay lọ phải Thịnh-Đường,
Văn hay lọ phải Tô, Hoàng, Hàn, Âu.
Oán-Tần-cung có lạ gì đâu.
Gớm ghê kẻ phun châu nhả ngọc.

Óc xét sử, mắt xem đời, đa ưn thì gan chống tục,
Tranh chò mây uốn khúc rần rờng.
Nghìn thu nhi-nữ anh-hùng,
Mấy câu son điểm, trăm vòng châu sa.
Trót trăm năm bụi lấp gương lừa,
Ngọc trong đá, có Biện-hòa càng nổi giá.
Hồn chín suối đứng lên cười hả hả,
Sau trăm năm đờn Bá-gặp Chung-kỳ,
Văn hay có biết mới hay,
Người xưa gở phách, người nay đánh châu.
Trời ở đâu ? đất ở đâu ? Thần thánh ở đâu ?
Đồ trần qui há lẽ nào vui-lấp mãi
Nhứt phiên khổ tâm kim cổ tại,
Lưỡng gian chánh khí hải sơn tồn
Miệng đau nào biết miếng ngon
Mắt xanh mới biết người khôn kẻ tài.
Rượu pha máu nóng say hoài.

Tiệm

THANH THANH

làm đại lý hết thấy các
nhà thuốc Annam có danh
tiếng thuở nay. ===

BÀI HÁT GIẢI ƯU

TỰA

*Thằng bần : đã gỡ chưa ra nút, mà con ma
bệnh lại theo chọc luôn, mình quá buồn,
muốn kêu có đào hát một vài nhịp. Nhưng
khốn nỗi nó trong túi, không một đồng xu
đào đâu thêm tới mình ! Thôi có một cách ;
trên trời dư rớt nước là sân khấu, miệng mình
là đào, tay mình là kệp, đầu với tai mắt
mình là quàn viên, ta cứ đóng trống miệng,
vỗ phách tay, e cũng vui (vui) mà.*

Tâm với cảnh hay tro trên thiệt,
Bệnh cùng sầu khổ cặp kè nhau.
Hai bé con riu-rít bấy nhiều lâu,
Một ông lão bạc đầu thêm đồ ối. (1)
Ngó lên trời, trời xanh mù tít,
Cúi đất xem Hồ, Vệt biết đi đâu.
Tư bề nhà tiếng chao sủa tiếng ếch kêu,
Lại pha tiếng chim mèo và bíp cú.
Đêm vắng vẻ nghe càng mất ngủ,
Tiếng thi thùng Yên-cử thầu Đông ba.

(1) Ông già gần 70 tuổi, lại mắc lấy bệnh tiện quyết luôn
quần, nên nói vậy ; nhưng có ai thích nghĩa là : đầu trắng
đuôi hồng e cũng được.

Vui thú gì mà cũng sinh-ca ?
Người bán đất kẻ cầm nhà lo chạy !
Nước mắt cạn, mồ hôi hết chảy,
Con rầy mẹ, vợ rầy chồng, anh chị em cùng cái
lầy.
Nông nổi nầy sanh dễ quấy vô duyên,
Mọi mình thơ thần dưới thuyền.
Nỗi con gian muốn lên trời hỏi thử.
Bác trời bảo : vì bầy nên có sự,
Đại làm sao, dốt làm sao, mà nói xữ làm sao !
Việc tây trời nên thủ đoạn phải cho cao.
Thang từ bước cứ trèo lên mãi mãi ;
Tuồng thiên diễn tang diễn thương-hải
Chinh trời đây mà vững chãi gì đâu.
Giòng hồi tổ trăn một cơn lâu,
Rồi trời thấp mặc dầu ai muốn chọc.
Trường thất bại chẳng qua là bài học
Cuộc thành công một chốc ở sau cùng.
Già xem bạn trẻ vầy vùng.

Dầu khuynhdiệp trị bá
chứng
rất hay

VĂN ĐIỀU ĐÔNG BẢO BỊ NẠN BẢO LỤT
Ở BÌNH-PHÚ

Hỡi ôi ! Giấc trần mộng ngàn thu một phút, nỗi
thương tâm luồng gió thổi luồng sầu.
Kiếp thương sinh bấy nỗi ba chim, tình đồng
chúng giọt mưa tuôn giọt khóc.
Ai làm nên thế, gớm ghê thay ! Vũ sư Phong bá
quá già tay :
Trông thấy mà đau, tức tối nhĩ ! Nghĩa sĩ nhân
nhân thêm choáng óc ;
Vuốt chẳng xuôi, phải nhả vài lời ; nói khôn xiết,
nên ngâm mấy khúc :
Trung kỳ ta mấy năm nay :
Sinh gặp hồi đen, diễn nhiều tuồng độc, họa đất
lưu liên, tai trời tiếp tục.
Hà-tĩnh, Nghệ-an mới đó, nhà xiêu cửa đổ trót
nhiều phen,
Phan-rang, Phan-thiết nổi theo, thịt nổi xương
chim trong mấy lúc.
Dân sở tại, hồn xiêu phách rụng, giọt khả bì chưa
rao cạnh sông dài.
Khách qua đường, mắt rất gan mềm, thấy bất
bạn còn phơi hèn núi dốc.

Đốt lăm than mừng đã trải qua ; tuồng thăm hái
tuồng nên kết thúc.
Nào hay ! Voi vọi thiên đường, tăng tăng địa ngục.
Cách mấy khoảnh lại đây, được nhiều tin thăm khốc :
Một luồng bão từ Bình định chạy phăng,
Trăm dặm đường tới Phú yên đổ rốc,
Phường lao động tình cờ theo gió cuốn, thầy già
chen thầy trẻ lan man.
Lũ bản cùng cất-cờ bị sông vui, đoàn trước lẫn
đoàn sau lúc nhúc.
Ba bốn huyện già than trẻ khốc, trời nghe nhưng
giã bộ ngủ ngờ.
Nghìn muôn người vàng rung xanh còi, đất bạc đã
cùng đường bươi móc.
Cày mất ruộng, chài mất thuyền, khách đường
bộ mất tới mất non, không dung mang hai
chữ hy sinh ;
Cha bỏ con, chồng bỏ vợ, đoàn em thơ bỏ chị bỏ
anh, vô cổ rế dội đường cốt nhục.
Bảo rằng tội, tội chi lũ ba tuồng rách rưới, mưa
nắng dãi dầu ;
Bảo rằng ngu, ngu đành thân bấy kiếp bươi chài,
bùn lươn trần trọc.
Ông trời ơi ! ông ngó đoàn tôi khác gì chim
chóc ; cam phận quê mùa tùy duyên lẫn lóc.

Rất những lũ sớm hương túi sấp, cầu thần linh
may được lần hồi ;
Thấy những phường mắt bịt tai bưng, kiếng ma
quỉ không hề trên chọc.
Ác gì đâu mà phải mang tai ? Lành như thế, lẽ nên
hưởng phúc ;
Vì có sao năm đồn thảng đập, chẳng bao giờ sống
lặng gió im ?
Vì có sao tổ trận giông hồi, thấy những việc tai
bay họa bốc ?
Ông xanh sao nở thế, quá sức hoành hành.
Con đồ sợ từ rày, hết phương lạy lục.
Toan tời Diêm-vương dâng lá kiện, sợ luật sư Âm-
phủ mùa lưới giết người :
Toan vào Phật điện đốt bùa nương, e quỉ sứ
minh đồ đón đường phun nọc.
Uả cò thế, dầu trẽ chẳng tha, dầu già chẳng nề,
lời phen này, càng tởm uy trời ;
Ồi rồi đây, biết dủ đâu tránh, biết lành đâu theo,
xem gương cổ, thôi chừa miệng tục.
Bà con chúng ta.
Sống họa phần may ; sở chờ khi xóc.
Trong một kiếp khôn đường tránh khỏi, rày mai
sống vô bèo tan ;
Sau trăm năm chắc mấy còn chẳng, ao ước tre già
măng mọc.

Sống thác vẫn u minh hai ngã, nhưng trước sau
khôn chối nghĩa đồng bào ;
Gần xa tuy nam bắc đôi đường, nhưng máu mủ
cùng chung tình cứu tộc.
Hội cứu tế trông mong nhà lạc thiện, vội vàng xé
áo san com ;
Phúc sinh tôn nương cây sức hồi thiên, chung chạ
đồng tiền hột thóc.
Đoàn con đồ nhao nhao chờ sữa, gấp lo cứu họ :
quan, quã, cò, độc, khôn, cùng ;
Linh suối vàng đặc đặc ngậm ơn, may hảy còn
người huynh : đệ, cò, nhi, bá, thúc.
Tình thân ái trong ngoài liên một mối, trời khôn
cắt rẽ giải đồng tâm ;
Nghĩa thì chung bao bọc khắp tứ bề, gió dầm lung
lay rừng đại mộc.

Hỡi ôi !

Chết vẫn thảm thương, sống càng mệt nhọc.
Chữ « Giai vong » nhắc tới phải rùng mình,
Họa « bất trắc » ngấm qua đà rồn ọc.
Thiênց liêng thời ững hộ, từ đây sắp tới, giống
da vàng may vẹn phúc chung.
Than thở lại ngậm ngùi, muốn nín không đành,
giòng máu đỏ nhuộm bài văn chực.

TỪ ĐƯỜNG HỢP TẾ VẤN

(Họ này trước từ Thanh Nghệ vào Huế đã 7 đời)

Sống làm khôn thác làm thiêng, lò tạo-hóa đúc
nén dòng mặt sắt ;
Nước có nguồn, cây có gốc, máu lỗ tiên truyền lại
giống da vàng.
Tinh thần dù từ cũng như sinh, nhân quỷ vẫn là
một lẽ ;
Khi huyết đã chung thời phải hợp, âm dương há
có hai đường.
Ước những sơn hà vạn cổ ;
Vây nên hương hỏa nhất đường.
Cung duy liệt vị tiên-linh,
Tinh tú trời nam ;
Máu me Hồng Lạc.
Nhịp phong vân tầng thĩ chí vầy vùng ;
Vai hồ hải cũng chia phần gánh vác.
Có kẻ cây mây cuộc nguyệt, bởi non xanh mà gay
dựng nền nhà ;
Có người nách giáo mang khiên, xoang tay đỏ sẽ
theo dõi việc nước.
Tràng thi lễ chen vai không hiếm kẻ, cửa thánh
hiền rực vẻ hiều trung ;

Nghiep cơ-cầu sẵn nếp cũng như người, nghề
thầy thợ rành tay mực thước.
Cờ trời vì nhiều lúc xây vắn ;
Họa đất phải tìm đường dời chác.
Khi ấy, này ông, này bà, này chủ, này bác,
Rủ nhau cơm gói muối dùm,
Đò tới rừng vàng bể bạc.
Mưa nắng trải bao phen lặn lội, gập ghềnh bước
thấp bước cao ; non sông chung một gánh
nặng nề, lần lượt đàn sau đàn trước ;
Bỏ quê quán toan vui miền đất khách, từ Thanh
Nghệ xây vào Thuận hóa, gọi biết bao mưa,
trải biết bao gió, góm ghè thay chùn chùn
đá mềm ;
Cây gàn xương mong cân sức trời già, được Phú-
thái thời vút Yên-cử, cây dâu cũng ruộng,
nồng dâu cũng sông, chống chỏi với thuyền
xuôi gió ngược.
Công đức thể mà gian lao thể, cao mà tăng, tăng
mà tỏ, hơn bảy đời mới có ngày rày ;
Đùm bọc nhau lại dắt dìu nhau, trở tới lớn, lớn
tới già, trong một họ không hề ai khác.
Ngoảnh đầu lại mấy trăm năm trước, ruộng dâu
đó, ao dâu đó, vườn nhà dâu đó, bể dâu chìm
nổi, nước non hiu hắt dấu Chiêm-thành ;

Mở mắt xem gần mấy hội này, hát ở đây, khóc ở đây, nhóm họp ở đây, nền móng vững bền, giống giống sum vầy dân Việt quốc.

Vì ai nên thế, bởi cha ông hay hiệp lực đồng tâm. Soi đó làm gương, nên con cháu phải đồng lao hiệp tác.

Chúng ta mới nghĩ rằng :

Lẽ thuận xưa nay ;

Tinh chung sống thục.

U minh dưỡng đều thủy đều chung :

Tế tự phải đồng ưu đồng lạc.

Huyết mạch từ trăm năm dây dặc, con mồ nhà, ai nở riêng tày ;

Là ngành theo một gốc vun trồng, hôn chín suối lẽ nào chẻch mác.

Vậy nên, theo nghĩa đại đồng ; gầy nên họp tế.

Chiêu-mục nhóm tinh linh các đảng, một từ đường tưởng tượng nghĩa đồng cư,

Xuân thu chung hưởng khói muôn đời, cả gia tộc mặn mà tinh nhứt thể.

Chẳng nề ai là chính, ai là bàng, ai là địch, ai là thù, nhóm tinh thần cho dặng thỏa vong linh ;

Qui hồ chung nhau ăn, chung nhau ở, chung nhau nói, chung nhau cười, gốc thân ái mới là tuân cổ lễ.

Hợp cang hoa, hòa cang thịnh, chan chứa mùi nhân giọt nghĩa, dâng tình thành đèn dạ đức cao dày ;

Chung thời mạnh, mạnh thời giàu, ngõ hầu cõi thọ nền xuân, đem hạnh phúc nâng niu đoàn trẻ bé.

Linh tổ tiên chắc cũng soi cho ;

Long con cháu vẫn cầu như thế,

Nay vừa bề lạng trời trong, ngày lành tháng tốt.

Rượu hòa khi nào nùng,

Hương chi thành nghi ngút,

Kính xin : Liệt vị tiên linh trong họ ta.

.....
Thương lũ sinh sau ; soi lòng nóng sốt,

Hộp rượu nếm hương ; chia bùi xẻ ngọt,

Trước vui vầy khắp mặt cha anh ;

Sau phủ hộ cho đoàn em út.

Tế hần như thần tại, trước vị thần tiếng đọc vô đèn tay.

Cần phúc thời phúc lai, trong cửa phúc tường vui ra đủ lối.

Phục duy thượng hưởng.

VĂN TẾ ĐỒNG BÀO NGHỆ TĨNH CHẾT VÌ LỤT BÃO

Than ôi ! họa hồng thủy vì đâu đưa tới, góm ghé
con tạo quá già tay ;
Trận cuồng phong mấy ngọn xông qua, đau đớn
thăng bần nên vô ngực.
Cõi cực lạc trông mai trông mốt, mong đã hết no ;
Dân vô cổ cuết ngược chết xuôi, nghĩ càng thêm
tức.
Sóng bất bình trăm lớp reo to ;
Tinh đồng chùng đội giòng khóc nước.
Thống duy đồng bào bị nạn :
Dòng giống tổ Hồng ;
Tội con mầu quốc.
Phận chịu dễ trùn,
Ngu cam hò dục.
Mấy mươi vạn lao nhao lỗ nhỏ, hủ nỷ bần cơm
bận cháo, tàn-khổ qua ngày ;
Quanh một năm chạy vay chằng vàng, lo cỡ đồng
thuế đồng xâu, trung thành hết sức.
Dầu nắng, dầu mưa, dầu đồng hồi, tổ trận, dầu
mun mặt trủ, đám dân trắng trợn với ông xanh
Ai cây, ai cuốc, ai đập đá đồn cây, chân lấm tay
bùn, trót đã đen thui hơn chó mực.

Sao trời còn cầm dao cầm diên ;
Xui ta phải chết cơ chết cực.
Lụt thì to bão lại phi thương ;
Nước quá dữ, gió càng bất trắc.
Thân phong bá vô tình lắm nhỉ ! mồ ba đào chôn
sạch xác làm ăn ;
Kiếp thương sinh đảo dễ làm sao ? lửa sấm chớp
thiên tan hồn ngũ thức.
Vô số nhà to nhà nhỏ, bay tuột lên trời ;
Biết bao ruộng thấp ruộng cao, sâu thành hóa vực.
Chó gà xao xác, trôi theo thầy chủ hàng đoàn ;
Sầu mập lung tung, nuốt lổng xương người kẻ ức.
Ghê nổi triều lửa mưa cuốn, khách vô gia thôi hết
lối cầu sinh ;
Đau người cát lấp sóng vùi, thuyền cứu khổ biết
nhờ ai xuất lực.
Oan khổ thiệt mấy phường đánh cá, văn kinh thành
cùng Hà bá, sao bác đánh tuồng xuống ngọn
dòng dòng.
Tội nghiệp cho mấy chủ làm thuê, chẳng trêu chọc
đến phong-di, sao di nổ cuốn vào luồng gió
bắc ?
Cui cút đường này đường nọ, mong đủ hai ba
đồng dặng sống, tình cò ma chết rước, ai dè
thiên địa bất nhân ;

Trăm trở năm ngoài, năm kia, tránh qua khỏi một
hai kiếp vừa mừng, cắc có họa trời dòn, có lẽ
tổ tiên thất đức.

Ôi thôi ! sống vàng máu đỏ, chết đã quá oan.
Nước mặn đồng chua, sống càng thêm bực.
Chất làng xóm, chứa đầy là oan quỷ, tha hồ khóc
khóc rên rên ;

Thấy trâu bò cũng sạch với Diêm vương, vắng
ngất rì rì tặc tặc.

Thương những kẻ mất vợ, mất chồng, mất anh
em cha mẹ, buoi đất tim, nhưng sợ ngục nhiều
tầng ;

Xót vì ai không cơm, không áo, không nhà cửa
ruộng vườn, kéo trời hỏi, biết chông thang
mấy bậc.

Tình cảnh này dầu đã cũng rên to ;

Oan nghiệp nợ có tai dành lúc lặc.

Em nay, đất mẹ trời cha ;

Núi gan sông tặc,

Cảnh đã chung đồng ;

Tình càng thiết thực.

Vân nên máu chảy ruột mềm ;

Há phải nặng chì nhẹ bắc ?

Đau bốn bề trong cơn thủy hỏa, tan xương nát
thịt dung kỳ tai.

CÂU ĐỐI ĐIỀU KHUYẾN-DUỠNG-NGHỊ. THỦ TƯỚNG NHẬT-BẢN

*Khuyến tiên sinh trước hai mươi năm, thường
đãi tôi như anh em bạn. Nay đọc báo thấy cái
tin tiên sinh bất hạnh thành người anh hùng
quá khứ. Trời cao biển rộng, kẻ mất người
còn, thật không ngăn mỗi đau lòng được.
Tiên sinh nói chuyện với tôi, thường dùng
Hán-văn, vậy tôi xin điều tiên sinh một câu
đối Hán văn : linh hồn nơi chín suối cơ biết
cho chăng ?*

Thất tuần dư chính-trị sinh nhai, vô hạn hùng
tâm, phương tương ư Đông Á Tây Âu gian, nhất
thanh sắt sà.

Vạn lý ngoại bỏ đào kỳ khách, hữu thù tri kỷ,
nãi bất liệu Phú sơn Hoành hải tế, tứ cổ thương
mang.

七旬餘政治生涯無限雄心,
方將於東亞西歐間一聲叱咤
萬里外遁逃羈客,有誰知己,
乃不料富山橫海際,四顧蒼茫

Đời chánh trị trên bảy mươi năm, một khối
hùng tâm, Đông Á Tây Âu lừng lẫy sấm,
Thân bỏ bá ngoài muôn vạn dặm, mấy ai tri kỷ,
biển Hoành non Phú mặt mù tăm.)

—88—

Trừ một mình ngoài cuộc phong ba, chửa chày
vớt chim ngư bản-chức.

Thấy đã gay ghê ;

Nghĩ càng thắc mắc.

Chung nhau sống hà riêng nhau chết, chữ anh-
quan khôn xếp sách thầy Kha ;

Sau mà vui phải trước mà buồn, nghĩa ma-dính
dám quên lời họ Mặc.

Vậy nên giốc tấm son dề,

Tuôn dòng máu rức,

Xin cả thầy anh em thím bác, hồn non sông soi
xét lấy tinh thành ;

Mong lần qua đông, hạ, thu, xuân, cơ-tạo hóa xây
văn trong khoảnh khắc

Hỡi ơi ! Đường thay ! ! !

THANH THANH làm đại lý cho nhà
in **Mỹ Thắng Nam-dịnh** là một nhà in đã ấn
hành những sách quốc văn mà ty Học Chánh
Đông dương đã nhận làm sách giáo khoa các
trường công.

—89—

CÂU ĐỐI ĐIỀU CỤ PHAN VĂN TRƯỜNG

Tự từng phân thủ, lục lải dư, tương ước dăm
trương văn ; vọng Ba-lê, vọng Tây-cống, chuyển
vọng Đông-kinh, thiên hải thương mang huy lão
luy.

Tổng cả thương tâm, bách niên trung đồng sanh
nghĩ đồng tử ; khóc Tây-hồ, khóc Tập-xuyên, hừ
khóc phu tử, giang sơn tịch mịch mẫn bi phong.

自從分手，六載餘相憶但相
聞：望巴黎，望西貢，轉望東京，
天海滄茫惟老淚。

總箇傷心，百年中同生宜同死；
哭西湖，哭集川，又哭夫子，江山
寞寂滿悲風。

Sáu năm cách mặt, nhớ nhau mà ít được gặp
nhau ; trông Ba-lê, trông Tây-cống, rồi trông ra
Đông-kinh luôn, mấy giọt lụy già, mệnh mỏng
trời biển

Một kiếp thương tâm, sống vậy nên cùng
nhau chết vậy ; khóc Tây-hồ, khóc Tập-xuyên,
nay lại khóc huynh ông nữa, một luồng gió thăm,
bất ngát non sông.

CÂU ĐỐI ĐIỀU CỤ NGHỀ TẬP-XUYỀN

Chân mây góc biển gần ba chục xuân thu;
duyên gặp gỡ chẳng bao lăm, tình già trẻ nghĩa
anh em, hợp hợp ly ly trách nỗi trời xanh trêu trố
quái.

Gió Á mưa Âu, giữa hai mươi thế kỷ, chuyện
buồn cười còn lắm nhĩ, cảnh tự-do, miền cực lạc,
phi phi thị thị, thay tuồng mặt trăng nhỏ nhang
ma.

CÂU ĐỐI ĐIỀU QUAN TOÀN QUYỀN

PIERRE PASQUIER

Công nhân xã Đông Pháp hoàng kim địa khí đa,
niên phở lưỡng tuần linh, dĩ thừa phong phá lãng
bảo hùng đồ, kỷ hồi thâm đạm kinh din, cư
nhiên nhậm thuộc quốc toàn quyền, vị thuyết
Nghien bi, hồi thù long thành song nhĩ lệ.

Nhân đại vị Tây Âu chính trị gia tích dã, thọ tài
ngũ thập thất, cánh giá vu đẳng vân di cư nghiệp,
nhất vãng tiêu điều hản mạn, phất cập cổ hoàn
cầu tân cực, duy dư đường lệ, thương tâm viết
điều nhĩ chi sào;

公忍捨東法黃金地去耶,
年甫兩旬零已乘風破浪抱雄圖,
幾回慘淡經營,居然任屬國全權,
未說峴碑,回首龍城雙眼淚。

人皆爲西歐政治家惜也,
壽纔五十七,竟駕霧騰雲遺
巨業,一往逍遙汗漫,弗及顧寰
球新局,惟餘棠茇,傷心越鳥一
枝巢。

Dịch:

Xứ giàu sang Đông-pháp, ông nỡ quên ru? Ngoài
hai mươi xuân trẻ, sớm mang chí lớn, vượt sóng
biển thẳng qua; bao năm tay thợ sửa sang, quyền
cao thuộc địa đã lên vai, bia núi Nghiện dầu
chưa, ngảnh mặt Long thành, lệ đôi hàng nhỏ.

Nhà chánh-trị Tây Âu, người đèn tiếc vậy!
Năm mươi bảy tuổi già, vội dễ nghiệp cả, lên
đường mây nhẹ tềch; một chốc làng tiên xa cách,
cuộc mới hoàn cầu chưa chán mắt, cây Cam
đường còn đầy, chanh lòng chim Việt, tổ một
cành côi.

TẢN VĂN

≡ VĂN-ĐỀ HÁN-HỌC ≡ Ở NƯỚC TA NGÀY NAY

Lời tòa soạn báo Tiếng-Dân. — Cụ Sào-nam là một nhà thâm hán-học, lại ở ngoài trên 20 năm, tư tưởng hoạt động đã quen. Từ ngày về nước nằm co nơi Bến-ngự, hoàn cảnh khác trước, trừ xem sách ngâm thơ ra, không có việc gì là tiêu khiển.

Cụ vẫn không thích viết văn quốc ngữ, cho văn quốc ngữ còn trong thời kỳ ấu trĩ, chưa đủ phát biểu những học thuyết cao xa nên không hay làm, có làm chẳng là cụ đọc cho người ta viết, ứng thủ qua chuyện vậy thôi, không khi nào dụng tâm. Trừ ra một ít vận văn.

Duy có bài « Văn đề Hán-học » này, là một văn đề quan hệ với học-giới ta sau này, nên cụ viết có căn-cứ, có nguyên ủy, đáng là một bài luận, ý tưởng cao xa, nhân quang bao quát, xét cả toàn cuộc hiện tại và tương lai của học giới ta, không phải nói lấy được như phái văn sĩ « Biết một không biết hai » kia.

Vậy hẳn bảo lẫn lộn đăng vào phụ trương đề cùng cho những nhà thức giả dễ lòng khảo sát thấy rõ toàn cuộc học giới sau này nên thế nào, đầu là ngày nay chúng ta đương cần có môn học quốc ngữ phổ thông. (Bài này, trước báo trong Nam có đăng một vài đoạn)

Hán-học đối với hiện thời nên bỏ dứt hay là nên bảo-tồn ?

Như bảo-tồn thì nên làm cách thế nào ?

Học khóa chữ Hán ở các trường hiện thời cùng chương trình chữ Hán ở Quốc-tử giám có đủ cho là bảo-tồn không ?

Muốn bàn văn-đề Hán-học, tất trước phải nói đến văn-đề quốc văn. Quốc-văn với quốc-âm có khác nhau : quốc-văn là văn-tự của một nước ; quốc-âm là tiếng nói của người một nước. Hễ nước nào quốc-âm đem làm quốc-văn là ngôn văn được nhứt trí. Giả như nước ta ở trước hơn ba nghìn năm, mà đã có một thứ văn tự gốc của mình, phù hợp với tiếng nói người mình, như nước Xiêm-la có chữ Xiêm, nước Ấn-độ có chữ Phạn, nước Trung-hoa có chữ Tàu, thì văn-đề quốc văn đã thành ra cơm lòn gạo cũ, bây giờ còn phải bàn bạc làm gì ? Nhưng khôn nạn thay. Ở trên 4000

năm, nước ta còn gọi bằng Giao chỉ, Việt-thường, chẳng biết có thứ chữ Giao-chỉ, chữ Việt thường hay không? Tìm tòi trong các cổ điển, bươi móc trong các tủ sách xưa, cho đến cổ tịch di-truyền, bìa lờ đã mở, thấy có chữ Chiêm-thành, chữ Chân-lạp, mà thứ chữ của Việt-thường, Giao-chỉ ta thì toàn không dấu tích hơi tăm » !

Than ôi ! « há lẽ một nước sống đã mấy ngàn năm mà không chữ. Hay là tục kiết-thăng (1) vẫn đã mất ở nước Tàu, mà còn sống giai ở nước mình hay sao ? » Chữ Giao-chỉ đã không, chữ Việt thường cũng không, thì chữ gốc của Việt-nam, không thể nói rằng có được. Bởi vì nước Việt-nam bây giờ là con thừa tự của nước Giao-chỉ Việt-thường xưa kia mà ! ». Tuy nhiên, văn-tự « con đẻ », hoặc không có, hoặc có mà thất truyền, việc đó cố nhiên, không hỏi hộ được. Nhưng cũng may, may có thứ chữ « con lai », lai lâu ngày mà thành ra con đẻ.

Chữ « con lai », tức là chữ Hán mà người nước ta đã nâng niu ôm ấp hơn mấy nghìn năm nay.

Từ Triệu-Đà đời Tần đến Nhâm-Diên đời Hán, trải qua Sĩ-Nhiếp đời Ngô, đều là người Tàu qua cai trị nước ta. Họ muốn người nước ta Hán hóa, mới

(1) Kiết-thăng : gút giầy để ghi nhớ.

đem thứ chữ của họ qua mà dạy người nước ta. Từ đó về sau, văn-hóa Hán-học niễm vào càng sâu, mà người nước ta càng ngày càng sùng thượng Hán-học. Chữ Hán mới trải thời đại « con lai » mà dần dần thành ra « con đẻ ». Cái con lai đó, tuy không phải thuần túy máu mủ gốc của mình, nhưng vì lai quá lâu ngày, giọt máu đã chung lẫn nhau, mảy mạt thịt da gần in như nhau, mà con lai với con đẻ gần không thể phân biệt được (2). (Có kẻ nói nước mình ngày xưa là quận huyện của nước Tàu, xưng là con cháu Thần-nông. Sau đời Thần-nông, bên Tàu có văn-tự thì mình có văn-tự... Song xem đời Chân, nước ta đi cống Tàu mà phải đến ba lần thông-dịch tiếng thì rõ lúc trước kia ta chưa học chữ Tàu (trước Gia-tô 1 100 năm).

Có kẻ lại nói : trước Triệu-Đà Nhâm-Diên, nước ta có chữ riêng. Trên các sơn động tìm được dấu xưa có thứ chữ, tức là chữ ta... Song xem ra thứ chữ đó cũng phức tạp lắm : như phủ Tương, phủ Qui (Nghệ-an) liền cận nhau, mà hai lối văn-tự khác nhau. Cộn như tỉnh Hòa bình trở ra Bắc, nào Thái, nào Mán, nào Nông, cũng còn lẫn lộn.

(2) Người mình đều đàn bà trẻ con không học chữ Hán mà trong vài câu nói có chữ Hán ở trong như nợ duyên, ác nghiệp v. v.

chữ khác nữa. Vậy muốn nhận các thứ chữ ở các di tích sơn động làm quốc-văn ta, vẫn không thống nhất, mà bằng chứng cũng không đủ làm căn cứ. Vậy theo tín sử, cho từ Triệu-Đa Nhâm-diên về sau, chữ Tàu thành con lại ta, sự thiệt xác đáng hơn.

Cuộc đời biến đổi, dầu bề vực gò. Từ ngày nước Đại-Pháp qua bảo-hộ ta, Pháp-văn đã thừa thời đắc dụng mà con lai chữ Hán cũng từ đó mà đổi ra con lai chữ Lạp-Đinh, thứ chữ A, B, C, D, đã thay cho địa-vị « chi, hồ, giả, dã » (chữ quốc-ngữ có trước, nhưng thay cho địa vị chữ nho trong học-giới, mới trên dưới ba mươi năm nay).

Bây giờ những kẻ say mới chán cũ, mới sanh ra cái thuyết Hán-văn nên bỏ, cũng tức là bỏ Hán-học.

Những người đề xuất thuyết ấy, họ nói có mấy lẽ :

1. Là văn-hóa mới đã có Pháp-văn thì Hán-văn nên bỏ xó.

2. Là quốc-văn ta đã có chữ quốc-ngữ. Chữ quốc ngữ đã tiện lợi thì cần gì cái đồ phiền phức như thứ chữ Hán-văn khó học !

Vi hai lẽ đó mà nhiều người chủ-trương rằng Hán-học nên bỏ dứt.

Theo ý tôi, thì tôi dám quyết rằng Hán-học ở nước ta không thể bỏ được. Chẳng những không bỏ mà lại cần phải bảo tồn nữa kia.

1) Vi lịch sử và dân chúng nước ta mà truy cứu cho đến nguồn gốc văn hóa về dĩ vãng.

2) Vi trình độ tri thức quốc-dân ta ngày nay mà muốn cho tân cựu dung hòa cùng bồi đắp thêm cái nền văn-hóa ở hiện tại.

3) Vi tiền đồ vận mạng của nước ta mà tìm phương-pháp dự bị về lân giao ở tương-lai.

Bởi ba điều ấy nên dám đoán định rằng Hán-học nên bảo tồn. Nay xin theo từng điều mà giải thích đề chất cùng người thức giả :

Điều thứ 1. — Lịch-sử ta xưa là lịch-sử gì ? Chắc ai cũng thừa nhận là lịch-sử Hán-học. Nhân-chúng ta xưa là nhân chúng gì ? chắc ai cũng thừa nhận rằng nhân chúng ta xưa là hồn-lửa với Hán-tộc, tức như họ Nguyễn là hậu-duệ của ông Nguyễn-Bặc ở triều Đinh, mà ông Nguyễn-Bặc lại con cháu của họ Nguyễn ở đời lương Tấn nước Tàu, là một minh chứng. Ngoài ra, nhiều họ đồng với họ

người Tàu như họ Hồ, họ Trần, họ Ta (1) v. v...

Bởi vì nhân-chúng với lịch-sử quan-hệ quá mật thiết, mà Hán-học sang nước ta mới chiếm một địa-vị rất lâu dài. Nhất thiết trên từ triều đình, dưới đến thôn giả, điển chương văn vật, biên chép lại ở trong sử xửa, kế hoạch thư từ, thông hành ở nơi làng nước, cho đến bản gia phả của tư một nhà, lời bi ký ở các nơi đường ngõ, bức hoành câu đối, đơn thuốc toa hàng, chẳng một giống gì mà không chịu ảnh hưởng của Hán-văn chi phối. Nếu một ngày mà tuyên phế Hán-học, thì bao nhiêu điển chương văn-vật ở sử cũ, tất phải gieo vào ngọn lửa Tần-hoàng; bao nhiêu thư từ kế hoạch ở dân gian, tất thấy chơ theo xe Trương phụ, (2) mà người nước ta từ đây về sau, thấy là người mù Hán-văn mà cũng điếc cả Hán-văn luôn nữa. « Giả như mù Hán văn, điếc Hán-văn mà không có chương ngại về tai mắt người minh trên con đường văn-hóa trong một nước, thôi cũng là tiện. Nhưng không thể được. Tôi xin cử một vài chứng lệ :

(1) Bách-gia phả-chi Tàu có chép : họ Nguyễn Chiêm Nguyễn-Hàm tránh loạn Ngũ-hồ, sang bên Nam-Việt. Hồ-hung, ở Chiết giang sang Nam-việt, con cháu phiên-thành v. v.

(2) Trương-phụ dời Minh, thu sách vở ta chở về Kim-lăng.

Mở gia-phả nhà họ Lý, có ba chữ Lý-thường-Kiệt; mở gia-phả nhà họ Lê, có hai chữ Lê-Lợi, mà con cháu vì mù Hán-văn, tất nhiên cười cha ông rằng làm gì đặt tên quá xấu ? Kiệt với tiếng « cùng kiệt » Lợi với tiếng « kiệt lợi » theo tiếng đọc thì lấy đầu mà phân biệt ? Đó là những điều khốn nạn đặc-biệt trong khi nghe khi thấy, không thể kể hết. Lại có một điều khốn nạn về phổ thông như những tiếng : Đông-dương, quốc-dân, là rất thông hành ở khắp cả nước, mà nếu khiến những người mù Hán-văn cắt nghĩa, thì e có lẽ nhận Đông-dương là « de phương đông », quốc-dân là « con quốc », thì còn gì là dân trí nữa ? Huống gì còn nhiều điều khốn nạn to lớn nữa.

« Nói cho đúng, người ta nếu không tưởng đến lịch-sử của mình là gì, thôi thì bỏ quách Hán-văn. Tôi cũng vỗ tay hùa theo. Nhưng đau đớn quá ! Lịch-sử củ của ta mà ta quên sao đành ? Nhân-chúng tổ tôn của ta mà ta bỏ ngơ sao đành ? Đã không quên được lịch-sử củ, đã không bỏ ngơ được nhân-chúng ta, thì Hán-học tất phải bảo tồn là hợp với nhân tâm thiên lý. Đó là vì truy cứu về cuộc dĩ vãng mà phải bảo tồn Hán-học.

Điều thứ 2. — Xét về hiện trạng trình độ của quốc-dân ta ngày nay, trừ ra một số ít là những người lưu học bên Pháp và ở các trường Cao-

đăng các nơi, cùng một ít học sinh đã học tom tem năm ba chữ Pháp, thì vẫn có thể lấy những sách Pháp-văn thay sách Hán-văn. Những môn khoa học, triết học..., cũng có thể hấp thu được chút đỉnh. Chớ đến như hương thôn bách tính đa số quốc dân, chẳng những đàn bà trẻ con là bọn mù Pháp-văn, mà những đầu mục hào lý, lên đến những bậc gọi bằng trung lưu, thượng lưu, cũng còn vô số người mù Pháp-văn. Nếu có bản thống kê « Quốc-dân thức tự » điều tra cho đích xác, trừ nơi thành phố ra, cả nam, phụ, lão, ấu, chắc trong một ngàn người, phải có 999 người không biết chữ Pháp. Như thế mà muốn đem Pháp-văn làm quốc-dân giáo-dục phổ cập, cái hy-vọng đó thật là quá viễn vông. Bởi vì thầy dạy chữ Pháp rất xưa, công trình học chữ Pháp lại rất phiền trọng, mà thời giờ hao tổn về học chữ Pháp cũng lâu, so với thời giờ học Hán-văn cũng xấp xỉ như nhau.

Vì những cơ ấy mà muốn bỏ hết Hán-văn, toàn dụng Pháp-văn, thì chắc quốc dân ta không khỏi mang cái họa chết vì đói.

Vì lẽ này mà muốn cho quốc dân ta hiện thời được đội ơn giáo dục phổ cập, tất phải chuyên trọng về quốc ngữ, ai cũng nhận đều tiện

lợi đó. (Tiện lợi về vấn-đề quốc-văn sẽ bàn ở sau).

Giả như ở trong văn quốc ngữ mà không pha trộn vào chữ Hán, hay là tập quán thành lệ của quốc dân ta; bên tai, trước mắt, đầu miệng không lọt những tiếng chữ Hán vào, thì chuyên dạy một thứ chữ quốc ngữ cũng tiện lắm rồi. Nhưng có phải thế đâu: những tiếng thông thường mà ở trên tờ giấy quốc ngữ thường pha vào, như nhân - tinh, luân - lý, đạo-đức, học - vấn, xã-hội, lao-động v.v. . . . nói đã nhàm miệng, nghe đã quen tai, thôi không cần nhắc nữa. Khốn nạn như những tiếng thuộc về chính-trị, pháp-luật, công-nghệ, kinh-tế, thì không thể đem tiếng quốc-ngữ đổi tiếng Hán-văn được. Muốn cho Quốc-dân ta nghe tên hiểu nghĩa, đọc bài thông ý, mà bảo họ cứ mù điếc Hán-văn đi cả, thì làm sao đọc văn quốc-ngữ cho thông hiểu được! Xin thử hỏi mấy nhà viết nhật trình, chép tạp-chí, đăng quảng-cáo, dân yết-thị, soạn công-văn, có ai là bỏ sạch được Hán-văn đi không? Chính mấy chữ « nhật trình, tạp-chí, quảng-cáo, yết-thị, công-văn » kia, đã là cốt chữ Hán kia mà. Bây giờ muốn họ thông văn quốc-ngữ, mà lại cấm học Hán-văn, chẳng khác gì một cái xe hai bánh dính nhau, một đường đầy tới, lại một đường kéo lui, quyết không thể nào đưa quốc-dân ta lên đường khai hóa được.

Huống lại có một cơ nữa hiện đời bây giờ, văn hóa mới cũ Đông Tây, dương điều hòa cùng nhau một lò, Pháp-văn đã không thể nào làm cho phổ cập được, mà lại những danh từ mới, tư tưởng mới, vô số những chữ gốc ở Tây mà dịch ra chữ Hán, như những chữ «tiên-cực, tích-cực, duy-vật, duy-tâm, triêu-tượng, cụ-thể v. v.». Quốc-dân ta đối với Tây văn đã chịu diễm mù, mà đối với Hán-văn lại mù và diễm, thì dầu đọc tờ báo quốc-ngữ, xem bản sách quốc-ngữ, làm sao khỏi cái tệ «kẻ nói gà người nói vịt?» chẳng khôn nạn cho dân trí ta lắm hay sao?

Vậy xét đến hiện tình của Quốc-dân, mà toan nâng cao trình độ trí thức, thì văn Quốc ngữ đâu tiện lợi đã đành, mà Hán-văn tất cũng phải tiện trọng, nghĩa là nó cũng đi với quốc-ngữ, thì văn quốc-ngữ mới hoàn thiện. Vì có Hán-học bồi bổ cho nền văn quốc-ngữ, thì ý nghĩa quốc-ngữ càng phát huy, mà tài liệu quốc-ngữ cũng giàu đủ. Ai bảo quốc-văn mình dứt hẳn cái giây liên lạc với Hán-văn được? Chữ Pháp dăng dính với chữ La-mã, Hy-lạp, người ta không lấy của mượn ấy làm thẹn, lại cho là nguồn gốc sâu, vậy thì chữ quốc-ngữ ta dăng dính với chữ Hán, đều ấy có gì là nhục đâu?

Quốc-văn không thể thoát được Hán-văn thì tất phải bảo tồn Hán-học. Đó là vì duy trì hiện tại mà bảo tồn Hán-học.

Điều thứ 3.— Xưa nay vận mạng của một nước, trông ở trước mắt, tất phải ngó lại sau lưng, ngó lại bước lui, cũng phải toan đường bước tới.

Đời này là đời gì? Là đời hoàn hải giao thông. Nước ta ở vào cảnh nào? là cảnh cường lân tiếp xúc. Hiện bây giờ nhờ có nước Pháp bảo hộ đã đành, những tình cảnh lân cận há lẽ không láng giềng, không có bạn hữu, mà sinh tồn được ở cuộc cạnh tranh này đời đời hay sao?

Nước Tàu là một nước kề cạnh láng giềng với mình. Lịch sử họ với ta đã quan hệ lâu dài, mà cảm tình thân ái lại vắng lại thân mật; chỉ nói về đường giao thiệp, về văn hóa và kinh tế, bước ra ngõ đã gặp người Tàu, há lẽ mà đoạn tuyệt hết cái giây giao tế được hay sao? Và lại có nước Nhật bản, là một nước đồng châu đồng chủng với ta, văn minh họ ngày nay chẳng kém gì Âu-Mỹ, mà lối đường thông thương họ với ta ngày càng mở rộng. Tức như gần đây chánh-phủ Đông-pháp ký điều ước Nhật-Việt thông thương, là một chứng rõ ràng lắm, mà chữ Hòa-văn Nhật-bản lại chan chan là chữ Hán. Há có lẽ ta với họ mà vĩnh viễn không giao thiệp được ư?

Trên đường giao tế, văn tự ngôn ngữ là một thứ mới giới rất tiện lợi. Giao thiệp với người

Tàu cần có Hán-văn, mà giao thiệp với người Nhật-bản thì Hán văn cũng cần lắm. Bởi vì trong chữ Nhật-bản, Hán văn đến 7 phần mười (7/10.) Lấy Hán văn mà giao tế với người hai nước ấy, chẳng những tiện lợi cho đường giao lân, mà cái mày mặt của văn hiến Việt-nam ta cũng khỏi bẽ bàng xấu thẹn với láng giềng. Giả như quốc dân ta, triều đình ta, không nghĩ gì tiền đồ, thì Hán-lọc bỏ quách cũng đành...

Trên kia trả lời về câu hỏi thứ nhất «Hán học nên bỏ hay nên bảo tồn» nay lại xin trả lời về câu hỏi thứ nhì là phương pháp bảo tồn.

Hán học tất phải bảo tồn, đã kể lý do như trên. Nhưng muốn bảo tồn phải có phương pháp gì cho được hoàn thiện? Vấn đề đó lại càng phải thương xác lắm. Xem trên mặt chữ, Hán văn thiệt không giản tiện được như Pháp văn, nhưng điều làm văn với âm đọc của Hán văn thì có lẽ giản tiện hơn Pháp văn. Xưa kia sở dĩ người ta hoài nghi về Hán văn khó học là bởi có hai nguyên nhân?

a) Theo như lối học khoa cử, sách mẹo đọc đã không có mà cách giảng học lại cứ đưa vào đường lối học hiêm gian thâm. Nên nỗi học giả gục án trót năm mà còn chưa thông thạo. Đó là một nguyên nhân.

b) Xưa kia ta chưa có chữ quốc ngữ để phiên

dịch Hán văn, nên học giả chỉ dòm mặt chữ Hán mà dò nghĩa, tốn nhiều thì giờ, hao nhiều công phu. Đó lại là một nguyên nhân nữa.

Đã rõ nguyên nhân ấy, thì muốn bảo tồn Hán học chỉ có tìm cách cải lương những lối học cũ, tất không khó gì, theo thiển kiến của tôi, có 3 phương pháp, xin chắt cùng các nhà cao minh:

1) Giữa theo sách mẹo học chữ tây mà biên soạn ra bản sách giảng chữ Hán. Kể chữ Hán mà cần dùng ở trên văn quốc ngữ ta, nhiều đi nữa cũng chẳng qua ngoài 3000 chữ. Theo bản «tam thiên tự» cũng đã vừa đủ dùng, chỉ khôn một điều, là giảng người ta biết cách đặt câu làm bài, mà nếu theo lối thuở xưa, dở sách đọc hoài, thiệt là vô ích. Bây giờ ta làm thêm quyển sách mẹo, bao nhiêu những động từ, danh từ, giới từ, đại danh từ, tiếp túc từ, chuyển chiết từ, quán từ, vi từ.. tất thấy những chữ mẹo, chữ nào mẹo ấy, theo mẹo pháp văn mà dùng quốc ngữ biên dịch Hán văn, làm cho có hệ thống, có điều lý, khiến cho người ta trông thấy thì biết ngay. Mà một loại chữ gì, đều trích cử một câu Hán văn làm chứng, giải thích cho rõ. Bản sách ấy chẳng qua năm bảy chục trang giấy, nhà nào người nào cũng có thể tay cầm một cuốn. Bởi vì sách nhỏ giá rẻ, người dễ mua mà ham đọc, ước trong năm bảy tháng, một năm chắc người đọc cũng thông

hiều được. Hiểu bản sách ấy rồi, sẽ đem bản sách « Tam thiên tự » hay « Nhất thiên tự » mà giải dịch ra chữ quốc ngữ, thì chắc mặt chữ Hán văn đã nhìn biết được. Mà cách đặt câu làm bài, đã có bản sách mẹo làm kim chỉ nam. Như thế thì Hán văn cũng dễ học như văn tự khác.

2) Bắt chước theo cách người Nhật bản học Hán văn. Nguyên trước hai nghìn năm, người Nhật-bản chế chữ Nhật-bản, cũng lấy Hán văn làm mẹ đẻ. Năm mươi từ mẫu của Hòa văn, toàn dựa theo chữ Hán chế ra, tức như A, Ý, Ú, Ế, chính là nhái tiếng chữ của Tàu mà hóa mẹ ra con. Vì vậy mà văn tự Nhật-bản 7 phần mười là trộn Hán văn. Người nước họ nhà truyền người đọc hơn hai nghìn năm. Từ đời Minh-trị lại đây, người Nhật chuyên chú ý về việc Trung-hoa, thì Hán-học lại càng có thể lực lớn ở trong nước họ.

Các nhà văn học của họ mới làm ra nhiều bản sách, như bản « Hán-hóa hợp-bích » dùng chữ Tàu mà dịch tiếng Nhật-bản. Lại như bản « Hóa-Hán hợp-bích », lại dùng tiếng Nhật-bản mà thích nghĩa Hán-văn. Ngoài còn có những bản « Hán-học từ-nguyên », « Hán học từ-diễn », chật hàng đầy chợ, đâu cũng thấy những Hán-văn. Vì vậy quốc-dân Nhật-bản mỗi 100 người hơn 90 người biết Hán văn. Trong danh tự Hòa văn, Hán văn, lại chiếm đại đa số.

Trông người lại ngẫm đến ta, ai bảo Hán-học là khó bảo tồn ! Người trong nước ta chắc còn nhiều bậc cao minh uyên bác, bắt chước cách người Nhật-bản làm ra những bộ sách « Việt-Hán hợp-bích » hay « Hán-việt hợp-bích », đem chữ quốc-ngữ mà chú thích chữ Hán, lại dùng chữ Hán mà dịch thành ra chữ quốc ngữ. Trình độ dân ta tuy thấp, nhưng không thiếu gì người tư chất thông minh. Nếu sưu sách sẵn thầy, bỏ lối xưa mà học theo cách mới cai cổ hữu của quốc dân ta chắc có ngày phát huy quảng đại được nhiều, mà quốc-văn càng giàu thêm xấp lên.

Gần đây tôi thấy ông Đào-duy-Anh có xuất bản quyển « Hán-việt từ-diễn », lại ông Phan-Khôi xuất bản quyển « Hán-văn độc-tu » (bản này mới khởi đầu đăng báo Phụ-nữ trong Nam được mấy số), cùng bản sách mẹo của ông Trần-mạnh-Đàn, cũng có lẽ làm quán tiên phong cho Hán học được. Xin các người có học thức, tiếp tục mà làm những thứ sách như thế cho nhiều, thì một phương diện đã nghiên cứu thêm được Hán-văn, mà lại là một phương diện thêm bổ túc cho quốc-văn; thiệt là nhất cử lưỡng đắc.

• 3) Trên kia hai phương pháp là trông ở quốc-dân, còn phương pháp dưới này là trông ở Chính-ủ. Chương trình giáo dục ở trong vài mươi năm

nay, chuyên trọng về Pháp văn với quốc ngữ, đều đó không ai phản đối, vì sự cần dùng ngày nay. Tuy nhiên, mục đích dạy Pháp văn là cốt để đúc nắn những hạng nhân tài giúp việc cho nhà nước về sau, chứ như văn quốc ngữ với Hán học thì mục đích lại ở nơi khai đạo thường thức cho nhân dân. Bởi vì Hán học với quốc ngữ có thể giáo dục dễ phổ cập. Vấn đề « bảo tồn Hán học » cốt trông Chánh-phủ cải lương chương trình giáo dục lần nay, để cho thường thức quốc dân được tân tiến, duy trì đều tốt cũ, mà mở mang mầm khôn mới. Phương pháp giáo dục nên được định ra làm ba thời kỳ :

1) *Ấu trĩ thời kỳ.*— Bé con vô luận trai gái, từ 7 tuổi sắp lên đến 12 tuổi, chuyên chú trọng dạy về quốc ngữ mà thêm một bộ phận Hán văn.

2) *Đồng niên thời kỳ.*— Từ 12 tuổi đến 16 tuổi, chuyên chú trọng dạy về Hán văn mà thêm vào một bộ phận Pháp văn.

3) *Thanh niên thời kỳ.*— Từ 17 đến 22 tuổi, chuyên chú trọng về dạy Pháp văn mà cũng thêm vào một bộ phận Hán văn rất ít.

Trong ba thời kỳ đó, kỳ ấu niên, đồng niên phải dùng cách giáo dục cưỡng bức. Còn vào thời kỳ thanh niên thì giáo dục dùng cách tự do. Hễ ai có chí tình nghiên Pháp-văn để cống hiến tài liệu cho

nhà nước, và chuyên tinh khoa học nào thì tùy ý tiến học. Nhà nước sẽ tưởng lệ cho. Ba thời kỳ đó, giáo dục tuy có thứ tự mà tinh thần giáo dục tất phải in nhau. Các học trường thu nạp những con trẻ đồng niên, ấu niên. Một phương diện nhờ Chính-phủ trông nom, lại một phương diện cho hương thôn được tự do thiết lập tư trường, khiến cho trường học ngày thêm nhiều, người biết chữ ngày thêm đông, mà cái ơn giáo dục phổ cập của nhà nước, có một ngày được thực hiện, chẳng những lợi ích vì bảo tồn Hán học mà thôi vậy.

Còn một điều cần : bảo tồn Hán học là cốt bảo tồn cả tinh thần, mà chẳng những bảo tồn hình thức, cốt bảo tồn đạo đức trung hiếu, mà không phải bảo tồn « giả, dả, chi, hồ ». Vậy nên các nhà trường vô luận công hay tư, tất phải chọn thầy dạy học cho có tư cách, giáo khoa thư cho thật hoàn thiện, khóa trình ở nhà trường cho thật nghiêm nhặt, mới có thể bảo tồn Hán-học. Nếu chẳng như thế, thầy dạy học không được người xứng đáng, giáo khoa thư không được hoàn thiện, khóa trình chỉ phụ diễn cho qua giờ, các nhà trường chỉ cầu thả mà thôi ; thì tiếng là bảo tồn mà thực lại là phá hoại. Hai phương diện đó tốt hay xấu, hư hay nên, chánh phủ sẽ chọn lấy.

Trên kia chỉ bàn một nửa phần, muốn cho hoàn toàn, thì phải trông vào Chánh phủ tấn lên một bước nữa.

Trên mặt đất Đông-dương này chưa có một nhà đại học, Chính-phủ dốc lòng khai hóa, nhắc cao trình độ quốc-dân, chẳng nay thì mai, chắc sẽ có một nhà đại-học xuất hiện. Ở trong nhà đại-học tất phải có hai khoa chuyên môn: Pháp-học và Hán-học,

Tóm lặt hết sở trường cả đông tây, lấy Hán-học mà điều hòa với Pháp-học, lại lấy Pháp-học mà bổ túc cho Hán-học, phiên dịch những sách triết-học, khoa-học, mà lần lần dịch soạn thành quốc-văn. Như thế thì ở trên đường bảo tồn Hán-học mới triệt để thành công, mà tinh hoa của Pháp-văn cũng nhân đó mà phát triển thêm nhiều, nền quốc-văn đến đây có nguồn gốc càng nảy nở. Chẳng vinh hạnh cho tiền đồ văn hóa nước ta lắm hay sao?

Bàn tóm lại, ba phương pháp kể trên, chỉ là ý-kiến thô thiển của người viết bài này; đến như phải hay không, làm được hay không làm được, thì đã có các bậc cao minh thẩm định.

Lại còn có một câu hỏi nữa « Học khóa ở các trường hiện thời cùng chương trình chữ Hán ở Quốc-tử-giám, có đủ cho là bảo tồn không? » Câu hỏi này tôi thật khó trả lời quá, mà tôi cũng không buồn trả lời. Như nói rõ, bảo tồn như vậy, thì không khác gì là không bảo tồn.

Mấy điều cần thương xác về luận đề Quốc-ngữ.

Câu hỏi thứ nhất: « Chữ Quốc-ngữ đều gì là tiện, đều gì là bất tiện? » Trả lời câu hỏi này, phải chiếu theo cách dùng chữ quốc-ngữ. Nếu muốn cho trẻ con trai gái, cho được đa số lao-động trong nước, có phổ thông thường thức, dùng ở trong cuộc sinh hoạt thường ngày, thì chữ quốc-ngữ thật là tiện lợi. Nhưng thuộc về các phương diện khác, như việc quan hệ về chánh trị, pháp luật cùng các môn học thuật, sử-học, triết-học, thiên-văn-học, địa-lý-học, cho đến các thứ khoa học cao thâm, mà chỉ dùng chữ quốc-ngữ, tất có nhiều chỗ thiếu thốn. Bởi vì những tiếng nói nước ta mà dùng vào các phương diện ấy, phần nhiều thiếu mà không sẵn, tất phải mượn chữ Pháp hay chữ Hán. Nếu người ta chưa thông thạo Pháp-văn hay Hán-văn mà chỉ dùng chữ quốc-ngữ, thì lắm chỗ bất tiện. Giải quyết vấn đề này, lại phải liên đới với vấn đề bảo tồn Hán-học và cả Pháp-học nữa. Có Hán-học rồi mà dùng quốc-ngữ, thì quốc-ngữ là tiện lợi, vì quốc ngữ gốc ở chữ Hán nhiều. Hán-học không trơn, (Pháp-văn cũng dốt, mà dùng quốc-ngữ thì nhiều chỗ thiếu thốn, mà không sao hiểu nghĩa cho rõ ràng.

Câu hỏi thứ nhì: « hiện tình nước ta chuyên dùng quốc-ngữ cả ở hương thôn có thích hợp không? »

Gần đây nhiều người chủ trương thuyết : « hương thôn nên dùng quốc-ngữ » Lời nói ấy chỉ dùng về một mặt thường thức ở hương thôn thì rất thích hợp. Nhưng về ở các phương diện khác, như kế hoạch ruộng đất, đơn từ kiện thưa, cho đến những việc chép gia-phả, và hương-phả, thôn-bô, xã-bô v. v... thì hiện thời mà dùng quốc-ngữ, thật chưa thích hợp. Bởi vì hương thôn với triều đình quan thự tuy lớn nhỏ khác nhau, mà việc gì cũng liên đới quan hệ. Nay ở triều đình quan thự còn muốn bảo tồn Hán-học, chưa toàn dùng quốc ngữ, mà riêng phần hương thôn lại toàn dùng quốc ngữ, không khỏi có chỗ mâu thuẫn nhau, chỉ một chuyện ruộng đất kế hoạch, đình từ chức dịch, đã chan chan chữ Hán. Xe sang đông mà ngựa chạy tây, lái đi xuôi mà mũi quay ngược, thật không làm sao thông thuận được.

Câu hỏi thứ ba : « Chỉ dùng quốc-ngữ đối với lịch-sử ngày trước và lân giao ngày sau, có toàn thích hợp không ? ».

Câu này xin xem ở bài « Hán học luận đề » đã bày tỏ nhiều lý do, vì truy cứu đến lịch-sử ký vãng với việc dự bị lân giao tương lai, mà đoán định rằng Hán-học tất phải bảo tồn. Có bảo tồn Hán-học mới không phải là người kẻ diên cố nhà mình mà quên mất ông cha, (số diên vong tổ) mà

lại đối với lân giao sau này, khỏi lo cái mối « bắc nước đòi gà » (1).

Nghĩ cho cùng lẽ, ở nước ta hiện thời mà chỉ dùng quốc ngữ, đối với lịch-sử xưa thành ra uống nước mà không nhớ nguồn ; đối với tương lai lân-giao thành ra xe Hồ mà đi qua Việt. Kể thử già tất không dám nhận toàn là thích hợp.

Còn có câu hỏi thứ tư : « Giây quốc-ngữ phổ thông ở hương thôn, có thể dùng giấy ta, mực ta viết chữ quốc-ngữ, để duy trì nội-hóa cho sinh kế dân ta không ? »

Quốc-ngữ thường dùng thứ nhất ở hương thôn, là cốt cho bé con trai gái nhất luật biết chữ quốc-ngữ. Nhưng đã biết chữ quốc-ngữ, tất dùng giấy bút ngoại-quốc, việc đó thật trở ngại cho quốc-ngữ phổ cập chẳng phải là ít. Bởi vì hao tiền quá nhiều con nhà nghèo thật khó gắng nổi. Nhân đó mà việc học của trẻ con phải gián đoạn luôn-luôn.

Bây giờ muốn quốc-ngữ cho phổ cập, tất phải tìm một cách cải lương cho tiện. Bút giấy mực của nước ta chế tạo từ thuở xưa tuy vẫn không mỹ quan bằng của ngoại-quốc, dùng viết chữ quốc-ngữ vẫn không được đẹp để lan chóng, nhưng dùng vào việc dạy bé con tập viết cầu cho đủ nét

1) Tiếng Nghệ nói : nấu nước sôi rồi mới đi bắt gà, làm không chắc chắn.

thành chữ là thôi. Ở trong thời-kỳ ấu-niên, mà khiến nó chỉ dùng giấy bút ta, cũng không đến nỗi chướng ngại gì lắm.

Giả như người mình chịu gia tâm nghiên cứu, đổ sức vào công nghệ cải lương, khiến cho cách chế tạo bút giấy tấn bộ hơn buổi trước thì hay lắm. Công nghệ tiến bộ, nhân lợi dụng mà ngày càng văn minh, xài dùng lâu ngày thì nhân tập quán mà thành ra tính xảo. Cái việc dùng giấy bút và viết chữ quốc-ngữ, cũng là một phương pháp lợi dụng cho người mình. Một phương diện đã giảm được hao phí cho học trò, lại một phương diện duy trì một môn nội hóa, có can ngại gì mà chẳng nên làm (người Nhật họ dùng giấy họ, cũng là mới tạo, nước kia họ cũng bút lông như mình). Rồi sau này, công nghệ càng cải lương thêm hoài, nội-hóa càng tinh xảo tấn thêm, thì tất thấy trường học ở các hương thôn, hoàn toàn dùng bút giấy, mực ta viết của ta, chính là một cái điểm hạnh phúc cho tiền-đồ quốc-dân. Nhà thức-giả nên lưu ý thay.

Vấn đề « quốc ngữ chữ Hán » xin dẫn câu kinh-Lễ làm kết luận : «Yêu mà phải biết chỗ dở, ghét mà phải biết chỗ hay » ./

Từ nhà kho Quán Ven Đường